



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH  
34B Linh Lang, P.Cống Vị, Q.Ba Đình, Tp. Hà Nội - Việt Nam  
Email: info.vinaxanh@gmail.com Website: www.vinaxanh.net  
Tel: 024 62736928



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc  
---oOo---

# BẢN VẼ HOÀN CÔNG

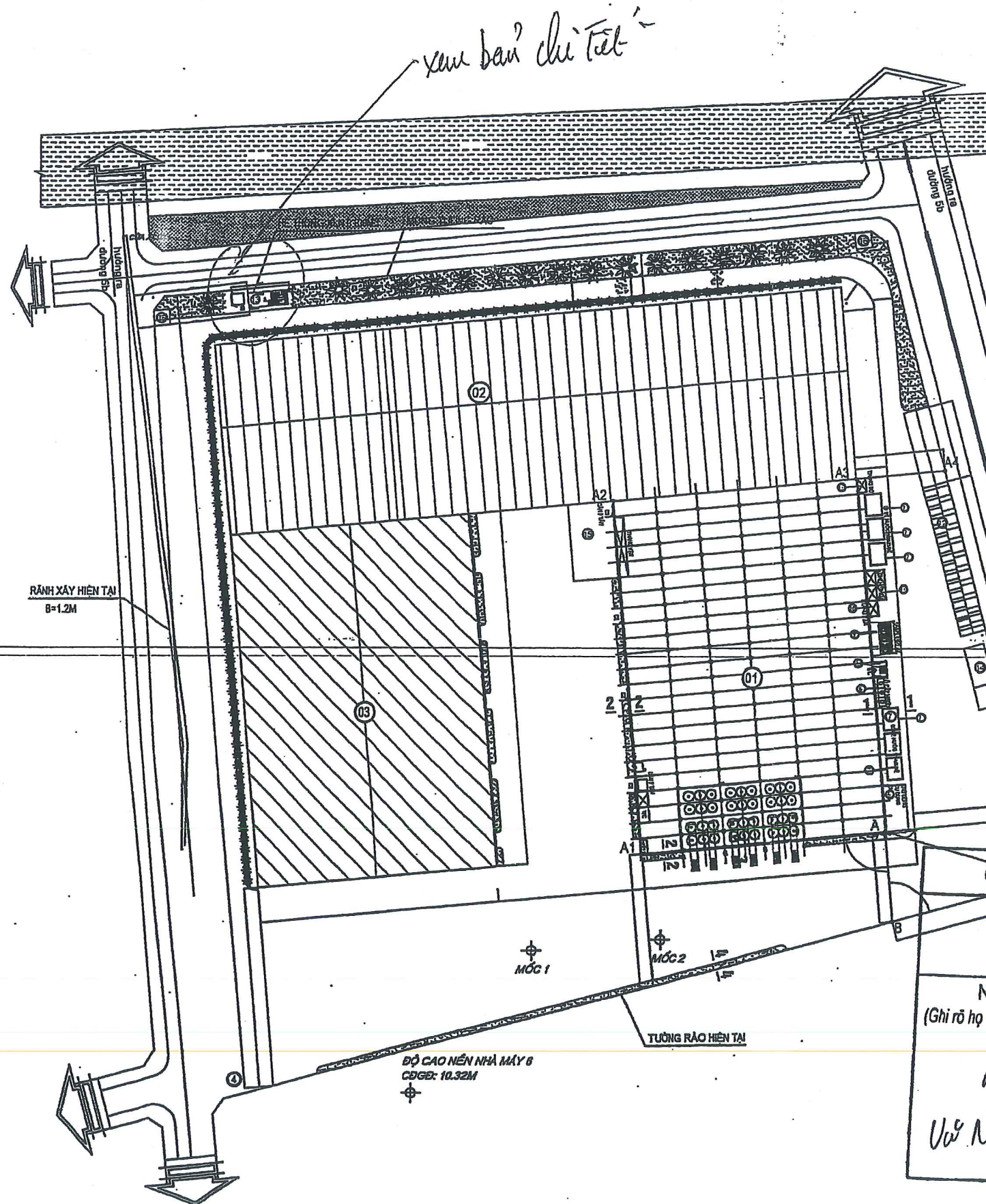
HẠNG MỤC: XÂY DỰNG

|                 |                                               |
|-----------------|-----------------------------------------------|
| CHỦ ĐẦU TƯ      | : CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH           |
| CÔNG TRÌNH      | : XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT |
| CÔNG SUẤT       | : 100M3/NGÀY ĐÊM                              |
| QUY CHUẨN       | : ĐẠT CỘT A, QCVN 40:2011/BTNMT               |
| ĐỊA ĐIỂM        | : CCN AN ĐỒNG - NAM SÁCH - HÀ ĐÔNG            |
| ĐƠN VỊ THIẾT KẾ | : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH.           |

|                                               |                                                      |                                                            |
|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH              |                                                      |                                                            |
| <b>BẢN VẼ HOÀN CÔNG</b>                       |                                                      |                                                            |
| Ngày...03...tháng.08...năm 2020...            |                                                      |                                                            |
| Người lập<br>(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) | Chỉ huy trưởng công trình<br>(Ghi rõ họ tên, chữ ký) | Tư vấn giám sát trưởng<br>(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) |
|                                               |                                                      |                                                            |
| Vu Ngoc Phuc                                  | Lu Van Hien                                          | Tu Van                                                     |



# TỔNG MẶT BẰNG NHÀ MÁY SỐ 8



## GHI CHÚ:

- |                                                 |                                                     |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| ① XƯỜNG 1-NHÀ (95,0X130,0) M                    | ⑨ TRẠM BIẾN ÁP                                      |
| ② XƯỜNG 2 (74,5 X 249,5) M-(GD2)                | ⑩ 01 THANG VẬN NGOÀI TRỜI                           |
| ③ XƯỜNG 3 (96,0 X 138,0) M-(GD2)                | ⑪ MÁY HÈN KHÍ                                       |
| ④ KHU VỰC CÔNG                                  | ⑫ NHÀ ĐỂ XE KT (10,0 X 90,0) M                      |
| ⑤ KHO CÔNG CỤ DỰNG CỤ KT: (8,0 X 18,0) M        | ⑬ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 100M3/NGÀY ĐÊM    |
| ⑥ LÒ CẤP NƯỚC                                   | ⑭ BỂ NƯỚC SINH HOẠT 300M3                           |
| ⑦ BỂ NƯỚC: 06 BỂ: 100M3/1 BỂ; KT BỂ (8,7X6,2) M | ⑮ KHU VỰC BÀN MÀI ĐỒNG HANG CONT; KT: (30,0X18,0) M |
| ⑧ NHÀ VỆ SINH                                   | ⑯ NHÀ BẢO VỆ                                        |
|                                                 | ⑰ THANG BỘ NGOÀI TRỜI                               |

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẬP ANI

GIÁM ĐỐC:

KỸ THUẬT:

ĐỊA ĐIỂM:

CCN AN ĐÔNG - NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

DỰ ÁN:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ  
NƯỚC THẢI SINH HOẠT  
CÔNG SUẤT Q=100M3/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG  
VINAXANH



ĐỊA CHỈ: Số 34B Lĩnh Lang - Ba Đình - Hà Nội

ĐIỆN THOẠI: 024.62861682

WEBSITE: www.vinaxanh.net

GIÁM ĐỐC:

KỸ THUẬT:

KIỀU ANH PHÂN

CHỖ BÀN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG  
THỂ VỊ TRÍ TRẠM

NGÀY:

11/2019

SỐ HIỆU BẢN VẼ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày...03...tháng...08...năm 2020...

Người lập  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

*Nguyễn Phan*

Chỉ huy trưởng công trình  
(Ghi rõ họ tên, chữ ký)

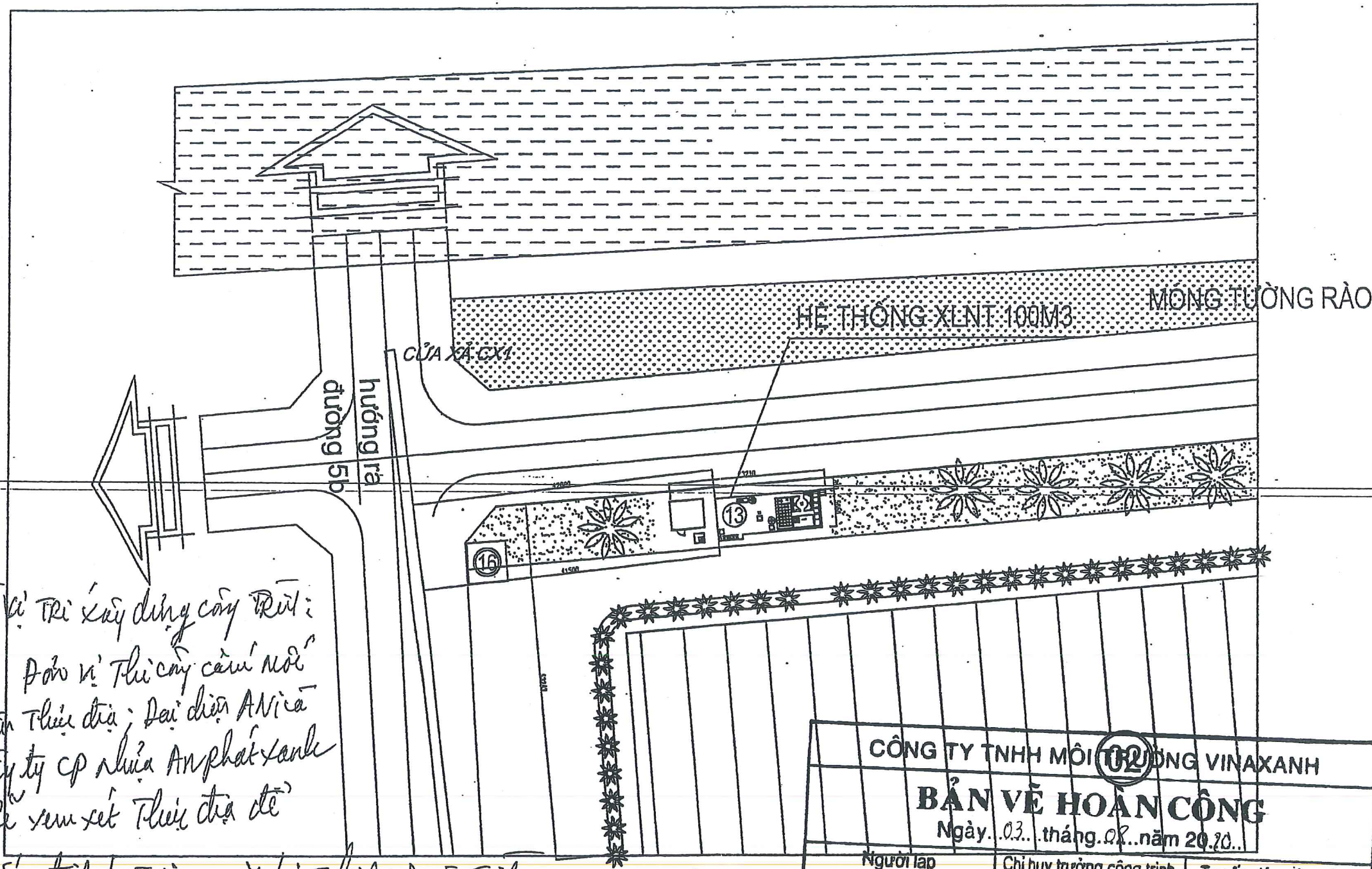
*U.V. Hữu*

Tư vấn giám sát trường  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

*Nguyễn Phan*



TỔNG MẶT BẰNG NHÀ MÁY SỐ 8



Về vị trí xây dựng công trình:  
Đơn vị Thi công cần mở  
Trên Thửa đất; Đại diện ANICA  
Công ty CP nhựa An Phát Xanh  
Sẽ xem xét Thửa đất để

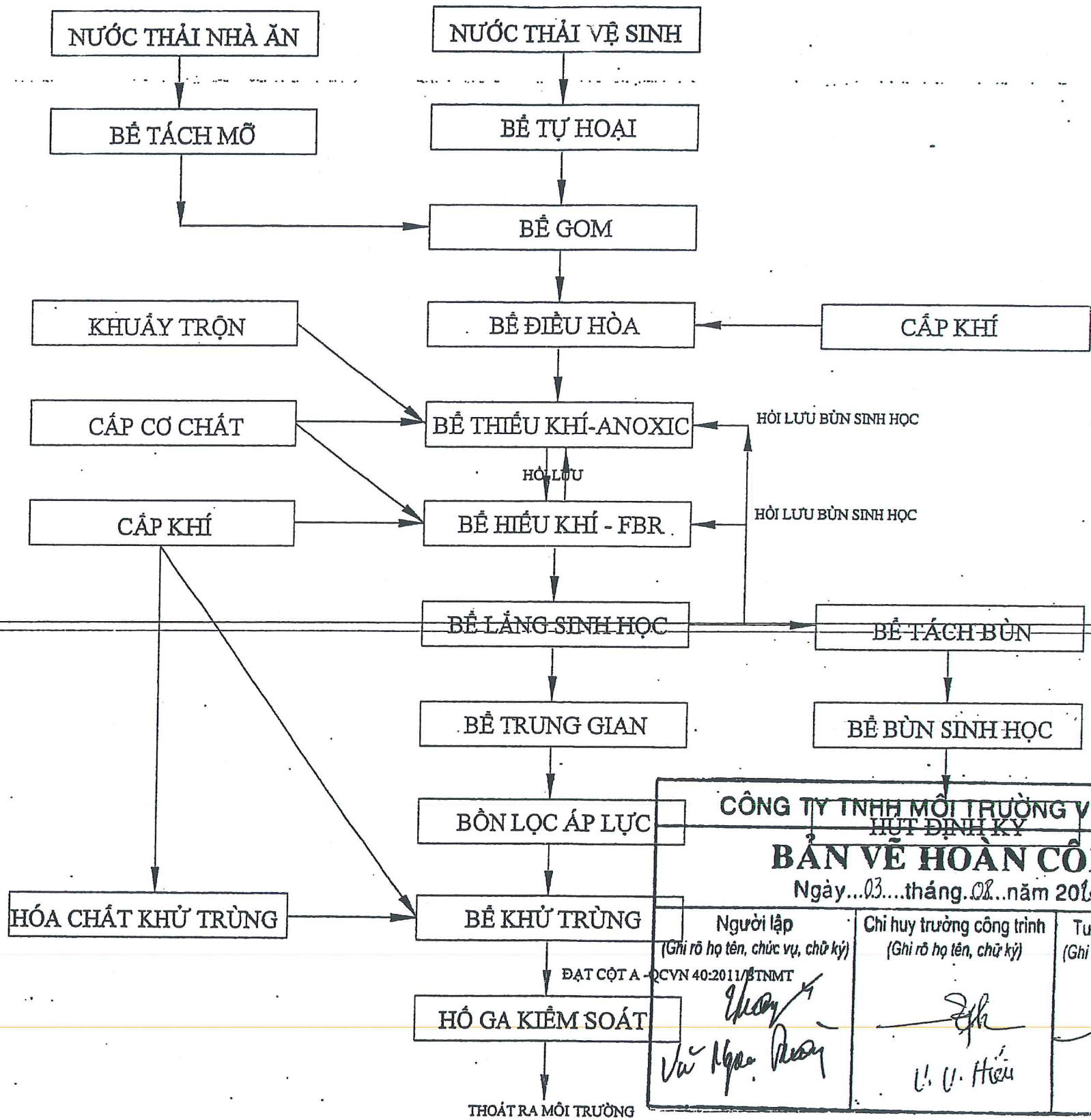
quyết định ban giao mặt bằng tiếp nhận công trình  
để thi công 13/6  
2019

|                                               |                                                      |                                                            |
|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH              |                                                      |                                                            |
| BẢN VẼ HOÀN CÔNG                              |                                                      |                                                            |
| Ngày...03...tháng...02...năm 2020...          |                                                      |                                                            |
| Người lập<br>(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) | Chỉ huy trưởng công trình<br>(Ghi rõ họ tên, chữ ký) | Tư vấn giám sát trường<br>(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) |
|                                               |                                                      |                                                            |
| U. U. Hữu                                     |                                                      |                                                            |

|                                                                                                       |                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| CHỦ ĐẦU TƯ:                                                                                           |                 |
| CÔNG TY CỔ PHẦN<br>XÂY LẬP ANI                                                                        |                 |
| GIÁM ĐỐC:                                                                                             |                 |
|                                                                                                       |                 |
| KỸ THUẬT:                                                                                             |                 |
|                                                                                                       |                 |
| ĐỊA ĐIỂM:                                                                                             |                 |
| CCN AN ĐÔNG - NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG                                                                    |                 |
| DỰ ÁN:                                                                                                |                 |
| XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ<br>NƯỚC THẢI SINH HOẠT<br>CÔNG SUẤT Q=100M3/NGÀY ĐÊM                          |                 |
| ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:                                                                             |                 |
| CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG<br>VINAXANH                                                                   |                 |
|                                                                                                       |                 |
| ĐỊA CHỈ: Số 34B Linh Lang - Ba Đình - Hà Nội<br>ĐIỆN THOẠI: 024.62861682<br>WEBSITE: www.vinaxanh.net |                 |
| GIÁM ĐỐC:                                                                                             |                 |
|                                                                                                       |                 |
| KỸ THUẬT:                                                                                             |                 |
|                                                                                                       |                 |
| KIỀU ANH PHÂN                                                                                         |                 |
| TÊN BẢN VẼ:                                                                                           |                 |
| MẶT BẰNG TỔNG<br>THỂ VỊ TRÍ TRẠM                                                                      |                 |
| NGÀY: 4-2019                                                                                          | SỐ HIỆU BẢN VẼ: |



SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ



|                                               |                                                               |                                                            |
|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH              |                                                               |                                                            |
| HÚT ĐỊNH KỲ                                   |                                                               |                                                            |
| BẢN VẼ HOÀN CÔNG                              |                                                               |                                                            |
| Ngày...03...tháng...08...năm 2016...          |                                                               |                                                            |
| Người lập<br>(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) | Chỉ huy trưởng công trình<br>(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) | Tư vấn giám sát trưởng<br>(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) |
| <i>Vũ Ngọc Phương</i>                         | <i>U. U. Hiền</i>                                             | <i>Đ. T. C.</i>                                            |
| ĐẠT CỘT A-QCVN 40:2011/ĐTNMT                  |                                                               |                                                            |
| HỒ GA KIỂM SOÁT                               |                                                               |                                                            |
| THOÁT RA MÔI TRƯỜNG                           |                                                               |                                                            |

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẬP ANI

GIÁM ĐỐC:

KỸ THUẬT:

ĐỊA ĐIỂM:

CCN AN ĐÔNG - NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

DỰ ÁN:

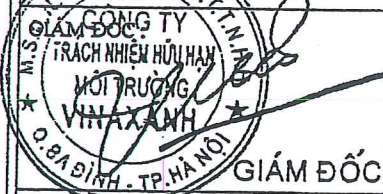
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ  
NƯỚC THẢI SINH HOẠT  
CÔNG SUẤT Q=100M<sup>3</sup>/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG  
VINAXANH



ĐỊA CHỈ: Số 34B Linh Lang - Ba Đình - Hà Nội  
ĐIỆN THOẠI: 04 62801632  
WEBSITE: www.vinaxanh.net



GIÁM ĐỐC

KỸ THUẬT: NGÔ HỒNG CẦN



KIỀU ANH PHÂN

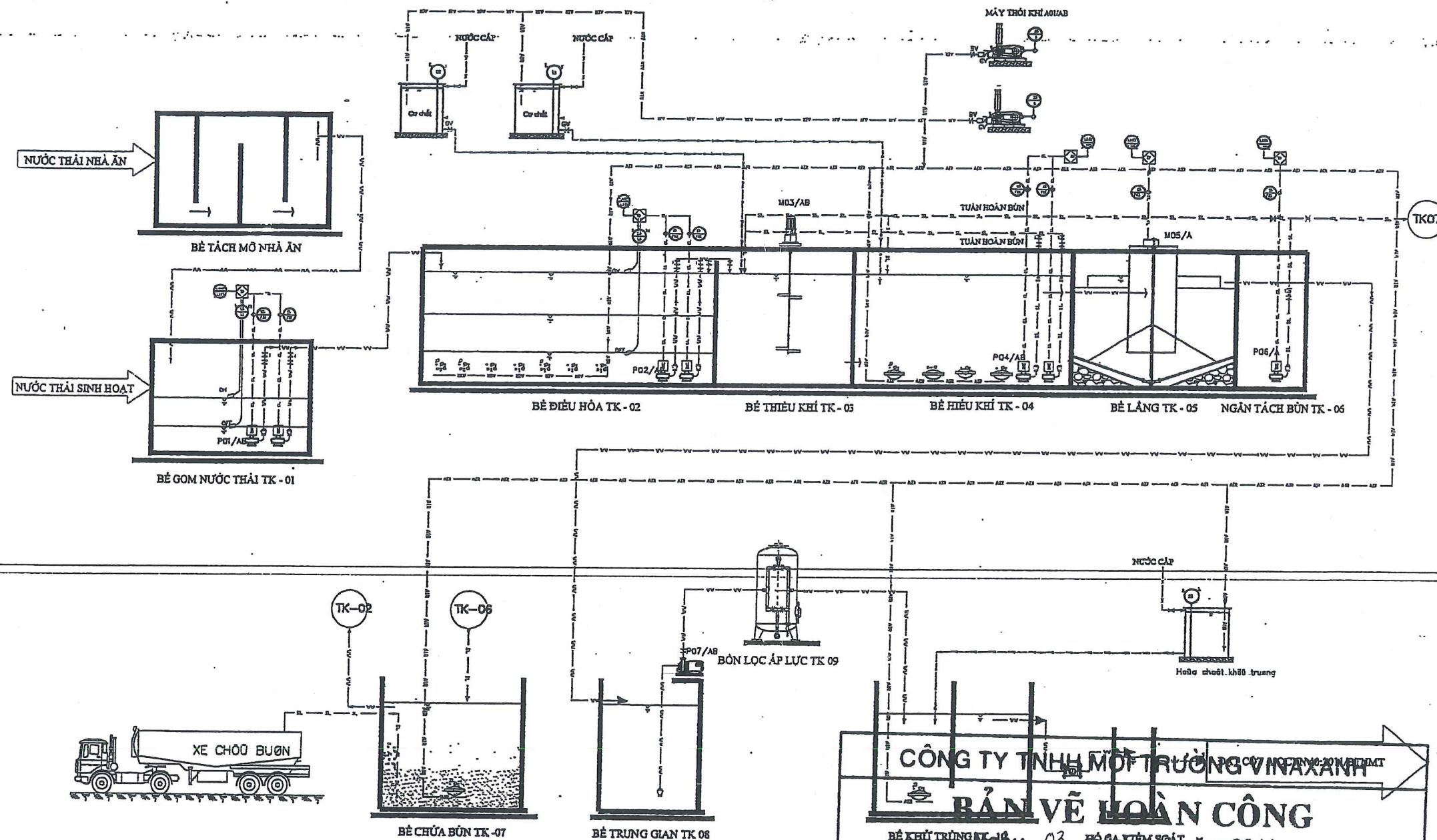
TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ

NGÀY: 1/1/2019 SỐ HIỆU BẢN VẼ:



# SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 100 M3/NGÀY ĐÊM



## KÝ HIỆU

GV - VÁN 2 CHIỀU

CV - VÁN 1 CHIỀU

MÁY THỔI KHÍ

BƠM CHÉN

BƠM ĐỊNH LƯỢNG

BƠM LY TÂM TRỤC NGANG

ĐỘNG CƠ KHUẤT

ĐỘNG CƠ GIẢM TỐC

## CHỮ VIẾT TẮT

FIT: THIẾT BỊ ĐO LƯU LƯỢNG.  
 HS: KHỐI BỌNG TAY.  
 LSH: MỨC NƯỚC CAO.  
 LSL: MỨC NƯỚC THẤP.  
 LSHH: MỨC NƯỚC CAO NHẤT.  
 LAHH: ĐÈN BÁO MỨC NƯỚC CAO NHẤT.

|                                                                                                            |                                                                                                                             |                                                                                                                                        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH</b><br><b>BẢN VẼ HOÀN CÔNG</b><br>Ngày...03...tháng...07...năm 2019... |                                                                                                                             |                                                                                                                                        |
| Người lập<br>(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)<br><i>Nguyễn Văn Hùng</i><br>KÝ HIỆU ĐƯỜNG ống               | Chỉ huy trưởng công trình<br>(Ghi rõ họ tên, chữ ký)<br><i>Nguyễn Văn Hùng</i><br>ĐƯỜNG NƯỚC THẢI<br>ĐƯỜNG KHÍ<br>ĐƯỜNG Bùn | Tư vấn giám sát trường<br>(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)<br><i>Nguyễn Văn Hùng</i><br>ĐƯỜNG ĐIỆN<br>ĐƯỜNG NƯỚC CẤP<br>ĐƯỜNG HOÀ CHẤT |

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẬP ANI

GIÁM ĐỐC:

KỸ THUẬT:

ĐỊA ĐIỂM:  
 CCN AN ĐÔNG - NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

DỰ ÁN:  
 XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ  
 NƯỚC THẢI SINH HOẠT  
 CÔNG SUẤT Q=100M3/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:  
 CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG  
 VINAXANH



ĐỊA CHỈ: 66-24B Lĩnh Lang - Ba Đình - Hà Nội  
 ĐIỆN THOẠI: 024.62661682  
 WEBSITE: www.vinaxanh.net

GIÁM ĐỐC TY  
 TRÁCH NHIỆM HỒ SƠ  
 MÔI TRƯỜNG  
 VINAXANH  
 NGUYỄN VĂN HÙNG  
 KÝ THUẬT: NGÔ HỒNG CẨM

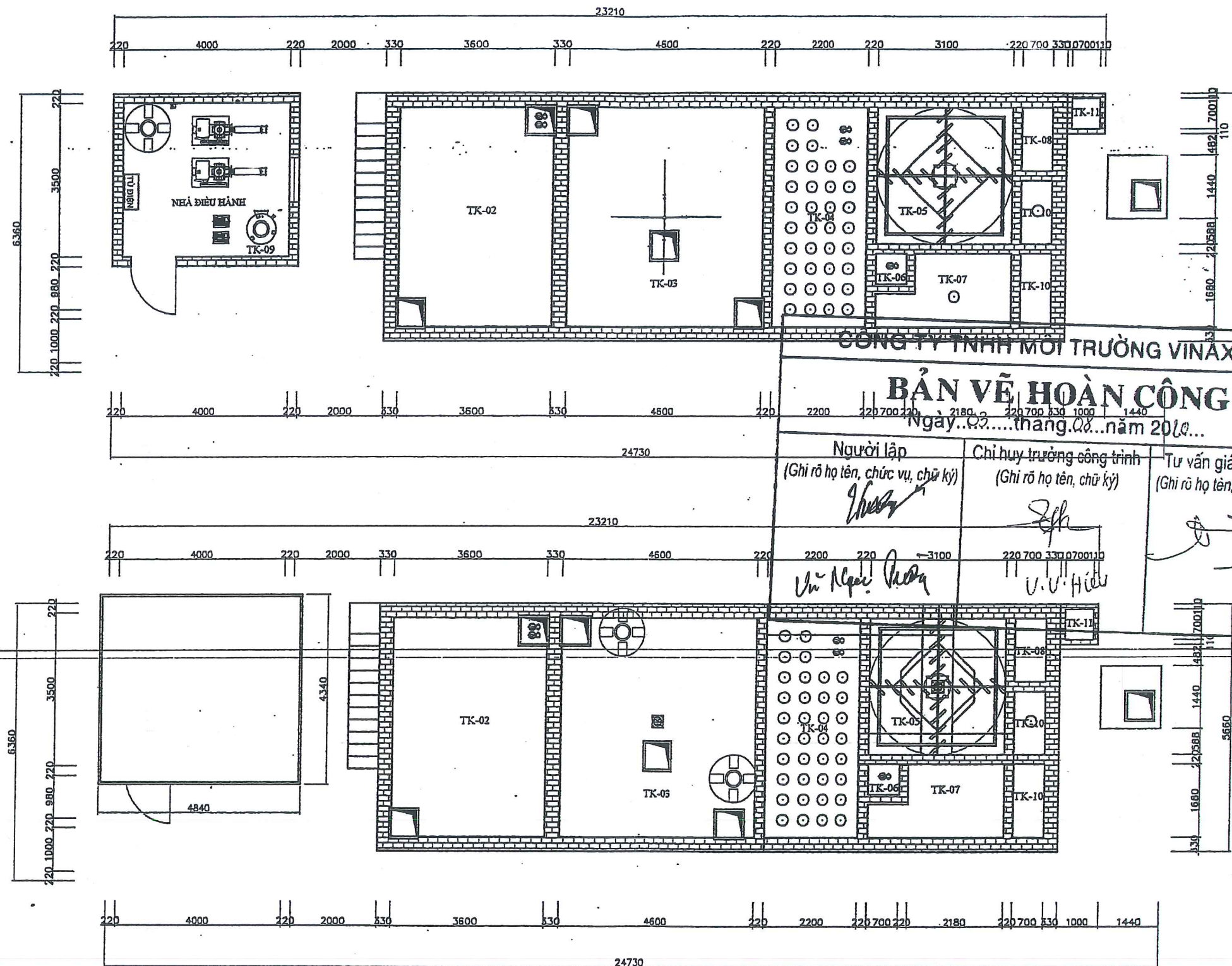
TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

NGÀY: 03/07/2019  
 SỐ HIỆU BẢN VẼ:



# MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ



## GHI CHÚ:

TK-01: BỂ GOM.  
TK-02: BỂ ĐIỀU HÒA.  
TK-03: BỂ THIẾU KHÍ.  
TK-04: BỂ HIẾU KHÍ.  
TK-05: BỂ LẮNG SINH HỌC.  
TK-06: BỂ TÁCH BÙN.

TK-07: BỂ CHỨA BÙN.  
TK-08: BỂ TRUNG GIAN  
TK-09: BỒN LỌC ÁP LỰC  
TK-10: BỂ KHỬ TRÙNG.  
TK-11: HỒ GA KIỂM SOÁT

## GHI CHÚ:

- Bê tông móng M200 đá 1x2.  
- Bê tông nền NDH + bê tông mái + bê tông nắp bể M200 đá 1x2  
- Tường xây gạch chi đặc M75, Vữa XMCV M75  
- Tường trát vữa XMCV M75, đánh bóng chống thấm

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẬP ANI

GIÁM ĐỐC:

KỸ THUẬT:

ĐỊA ĐIỂM:

CCN AN ĐÔNG - NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

DỰ ÁN:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ  
NƯỚC THẢI SINH HOẠT  
CÔNG SUẤT Q=100M<sup>3</sup>/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG  
VINAXANH



ĐỊA CHỈ: Số 34B Lũy Làng - Ba Đình - Hà Nội  
ĐIỆN THOẠI: 024.62861382  
WEBSITE: www.vinaxanh.vn

CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
MÔI TRƯỜNG  
VINAXANH  
Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC: NGÔ HỒNG CẢI

KỸ THUẬT: KIỀU ANH PHÂN

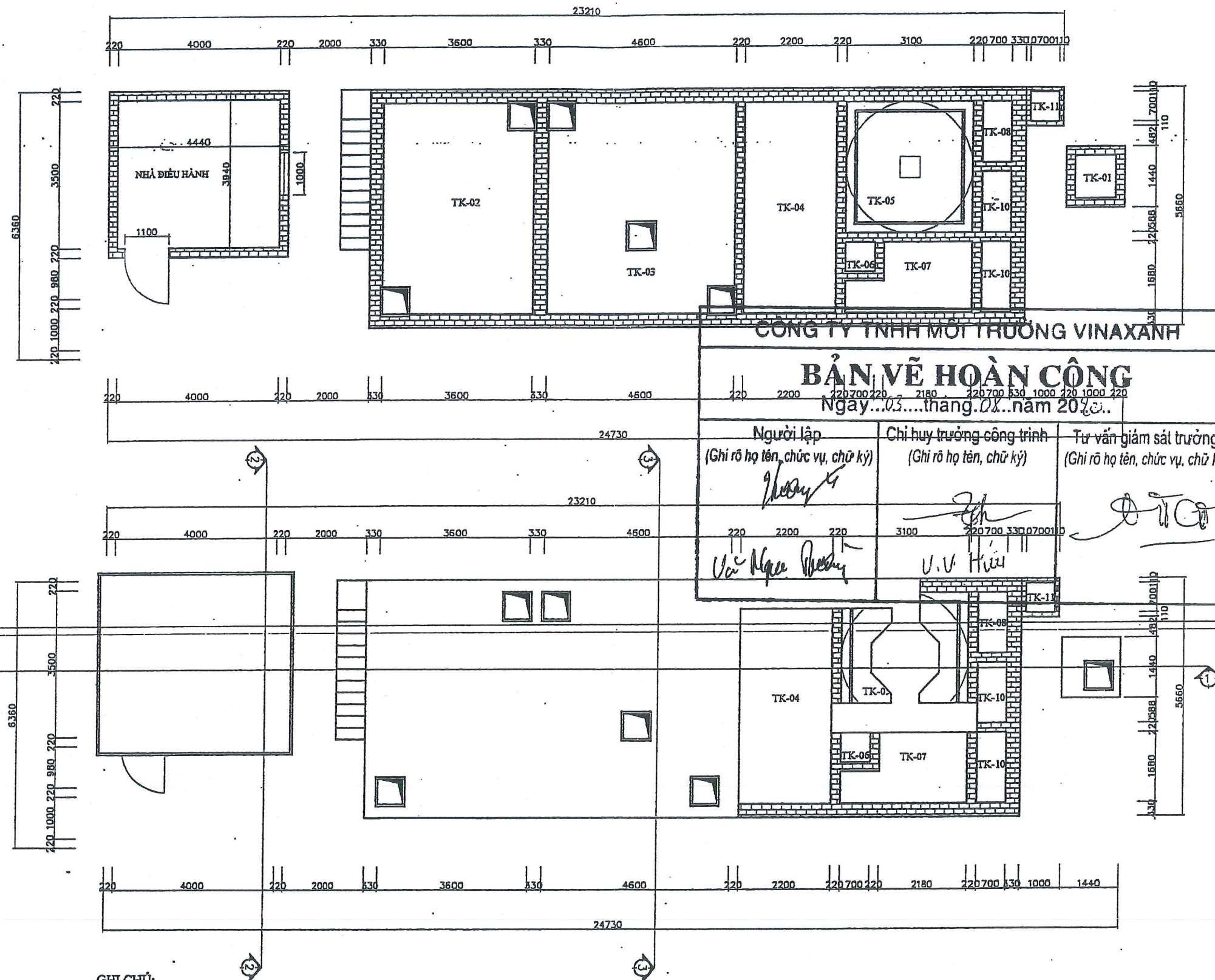
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG BỐ TRÍ  
THIẾT BỊ

NGÀY: 11/2019 SỐ HIỆU BẢN VẼ:



# MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 100 M3/NGÀY ĐÊM



## GHI CHÚ:

TK-01: BỂ GOM.  
TK-02: BỂ ĐIỀU HÒA.  
TK-03: BỂ THIẾU KHÍ.  
TK-04: BỂ HIẾU KHÍ.  
TK-05: BỂ LẮNG SINH HỌC.  
TK-06: BỂ TÁCH BÙN.

TK-07: BỂ CHỨA BÙN.  
TK-08: BỂ TRUNG GIAN  
TK-09: BỒN LỌC ÁP LỰC  
TK-10: BỂ KHỬ TRÙNG.  
TK-11: HỒ GA KIỂM SOÁT

## GHI CHÚ:

- Bể tông móng M200 đá 1x2.  
- Bể tông nền NBH + bể tông mái + bể tông nắp bể M200 đá 1x2  
- Tường xây gạch chi đặc M75, Vữa XMCV M75  
- Tường trát vữa XMCV M75, đánh bóng chống thấm

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẬP ANI

GIÁM ĐỐC:

KỸ THUẬT:

ĐỊA ĐIỂM:

CCN AN ĐÔNG - NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

DỰ ÁN:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ  
NƯỚC THẢI SINH HOẠT  
CÔNG SUẤT Q=100M3/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG  
VINAXANH



Địa chỉ: Số 34B Lĩnh Nam - Ba Đình - Hà Nội  
Điện thoại: 074 6246168  
Website: www.vinaxanh.net



KỸ THUẬT:

*[Signature]*

KIỀU ANH PHÂN

TÊN BẢN VẼ:

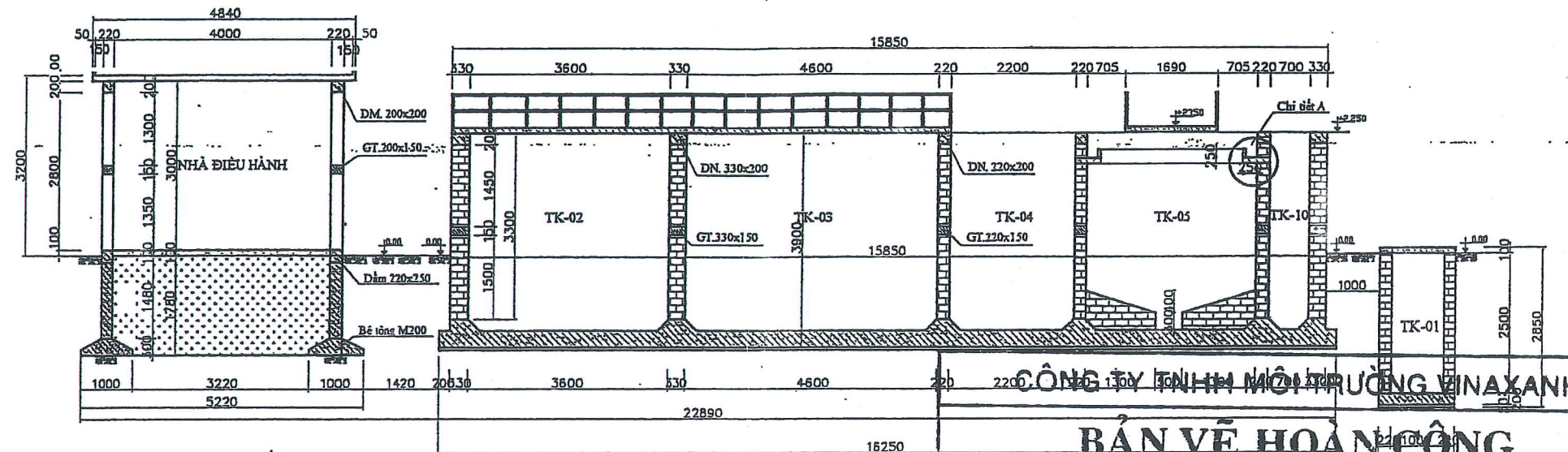
MẶT BẰNG

NGÀY: --/--/2019

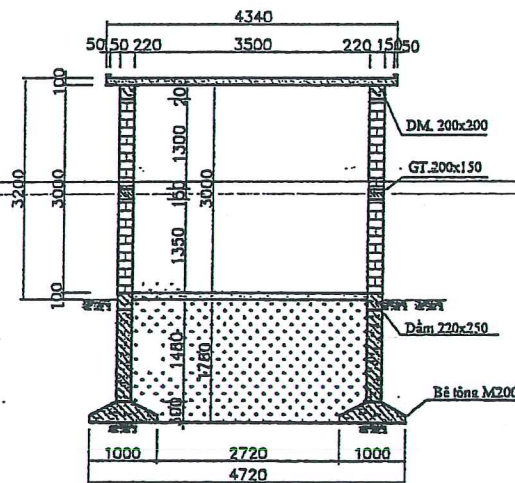
SỐ HIỆU BẢN VẼ



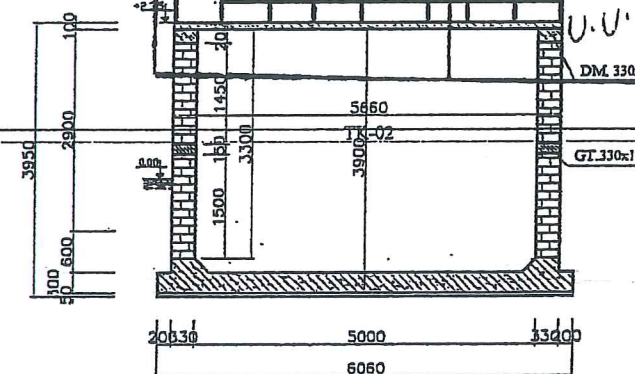
# MẶT CẮT TƯỜNG BÊ



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 3-3

## GHI CHÚ:

TK-01: BÊ GOM.  
TK-02: BÊ ĐIỀU HÒA.  
TK-03: BÊ THIỂU KHÍ.  
TK-04: BÊ HIỂU KHÍ.  
TK-05: BÊ LẮNG SINH HỌC.  
TK-06: BÊ TÁCH BÙN.

TK-07: BÊ CHỨA BÙN.  
TK-08: BÊ TRUNG GIAN  
TK-09: BỒN LỌC ÁP LỰC  
TK-10: BÊ KHỬ TRÙNG.  
TK-11: HỒ GA KIỂM SOÁT

## GHI CHÚ:

- Bê tông móng M200 đá 1x2.  
- Bê tông nền NĐH + bê tông mái + bê tông nắp bể M200 đá 1x2  
- Tường xây gạch chi đặc M75, Vữa XMCV M75  
- Tường trát vữa XMCV M75, đánh bóng chống thấm

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẬP ANI

GIÁM ĐỐC:

KỸ THUẬT:

ĐỊA ĐIỂM:

CCN AN ĐỒNG - NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

DỰ ÁN:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ  
NƯỚC THẢI SINH HOẠT  
CÔNG SUẤT Q=100M<sup>3</sup>/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG  
VINAXANH



ĐỊA CHỈ: 50/345 Lĩnh Lang - Ba Đình - Hà Nội  
ĐIỆN THOẠI: 024 62861682  
WEBSITE: www.vinaxanh.net

CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
MÔI TRƯỜNG  
VINAXANH

Đ. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

KY THUẬT: NGÔ HỒNG CẨM

GIÁM ĐỐC

KIỀU ANH PHÂN

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT

NGÀY: 1/2019 SỐ HIỆU BẢN VẼ:

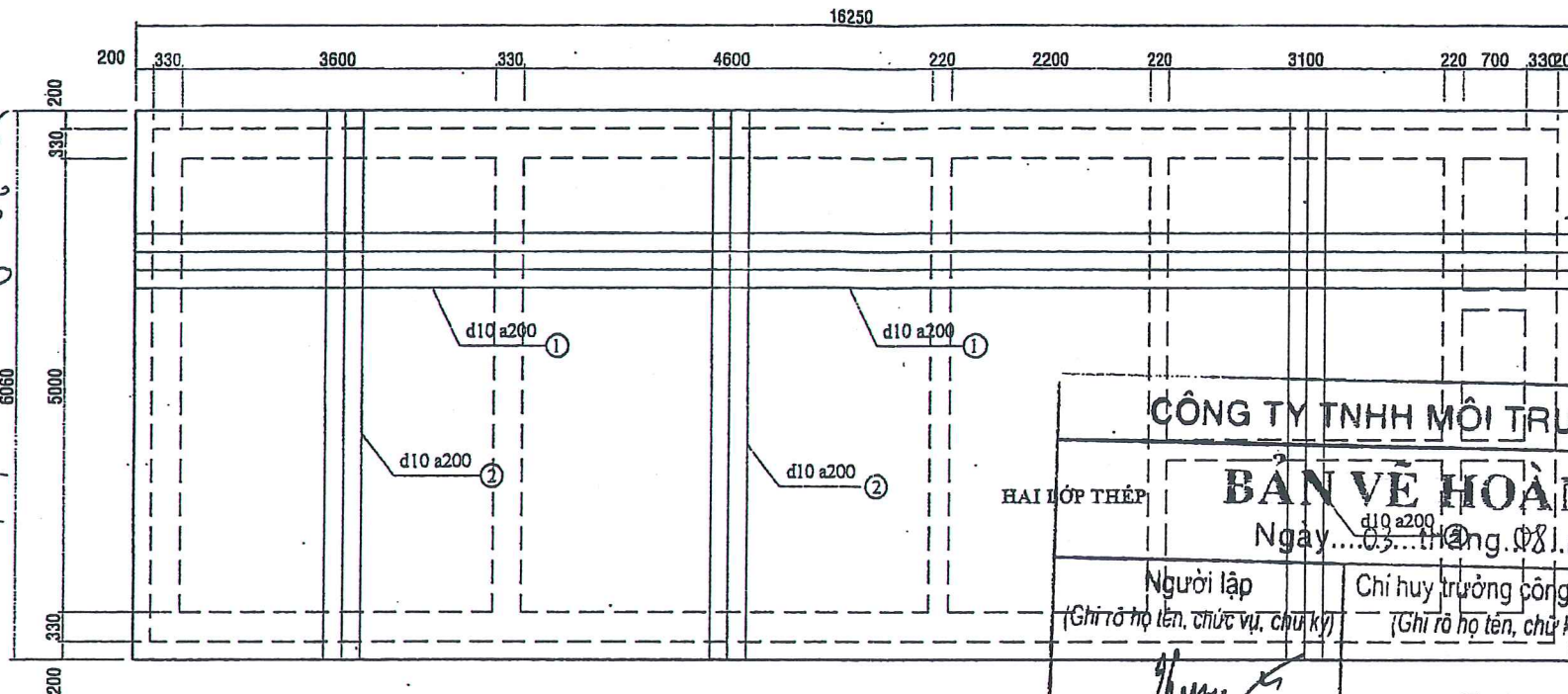


# MẶT BẰNG THÉP MÓNG BÊ

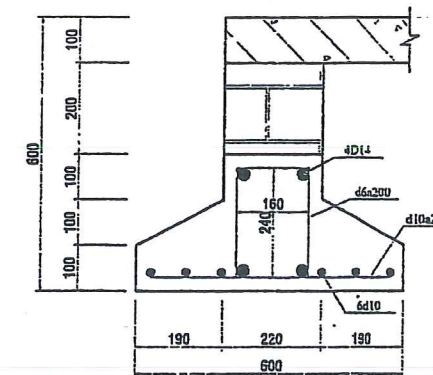
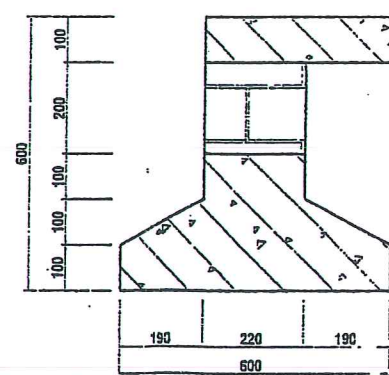
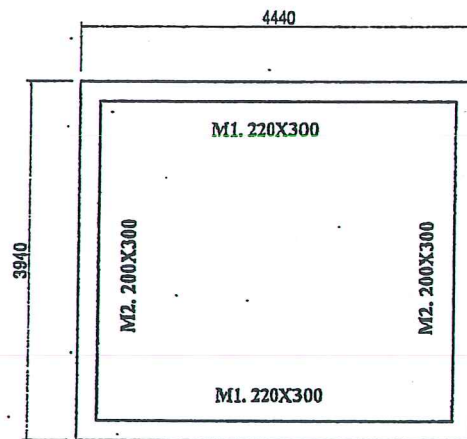
Thép móng bê 2 lớp  
d10 a200 Chạy  
thanh 2 lớp d10  
a150

21/6/2019.

D.T.C.



## CỘT THÉP MÓNG NHÀ ĐIỀU HÀNH



### GHI CHÚ:

- Móng bê' phải' nằm trên lớp cát sau nền (đã bỏ lưai cũ)  
đảm bảo K95; chiều sâu đầm trung bình 0,5 m.

- Bê tông móng M200 đá 1x2.
- Bê tông nền NDH + bê tông mái + bê tông nắp bể M200 đá 1x2
- Tường xây gạch chỉ đặc M75, Vữa XMCV M75
- Tường trát vữa XMCV M75, đánh bóng chống thấm

Thép d14: S1 thép CB4 hoặc tương đương về cường độ

Thép d<14: S1 thép A1; CB3 hoặc tương đương về cường độ

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẬP ANI

GIÁM ĐỐC:

*Thư*

KỸ THUẬT:

*Thư* Phạm Văn Tuấn

ĐỊA ĐIỂM:

CCN AN ĐÔNG - NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

DỰ ÁN:

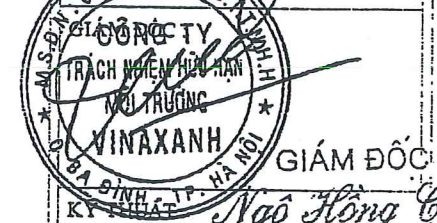
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
CÔNG SUẤT Q=100M3/NGÀY ĐÊM  
(NƯỚC THẢI SINH HOẠT 83M3/NGÀY, NƯỚC THẢI  
RỬA HẠT NHỰA 45M3/THÁNG 3 LẦN XẢ)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG  
VINAXANH



ĐỊA CHỈ: Số 34B Lĩnh Lang - Ba Đình - Hà Nội  
ĐIỆN THOẠI: 3924.6261682  
WEBSITE: www.vinaxanh.net



GIÁM ĐỐC:  
KỸ THUẬT: Ngô Hồng Cẩm

Kiểu ANH PHÂN

TÊN BẢN VẼ:

**BỐ TRÍ THÉP MÓNG  
BÊ + MÓNG NDH**

NGÀY:

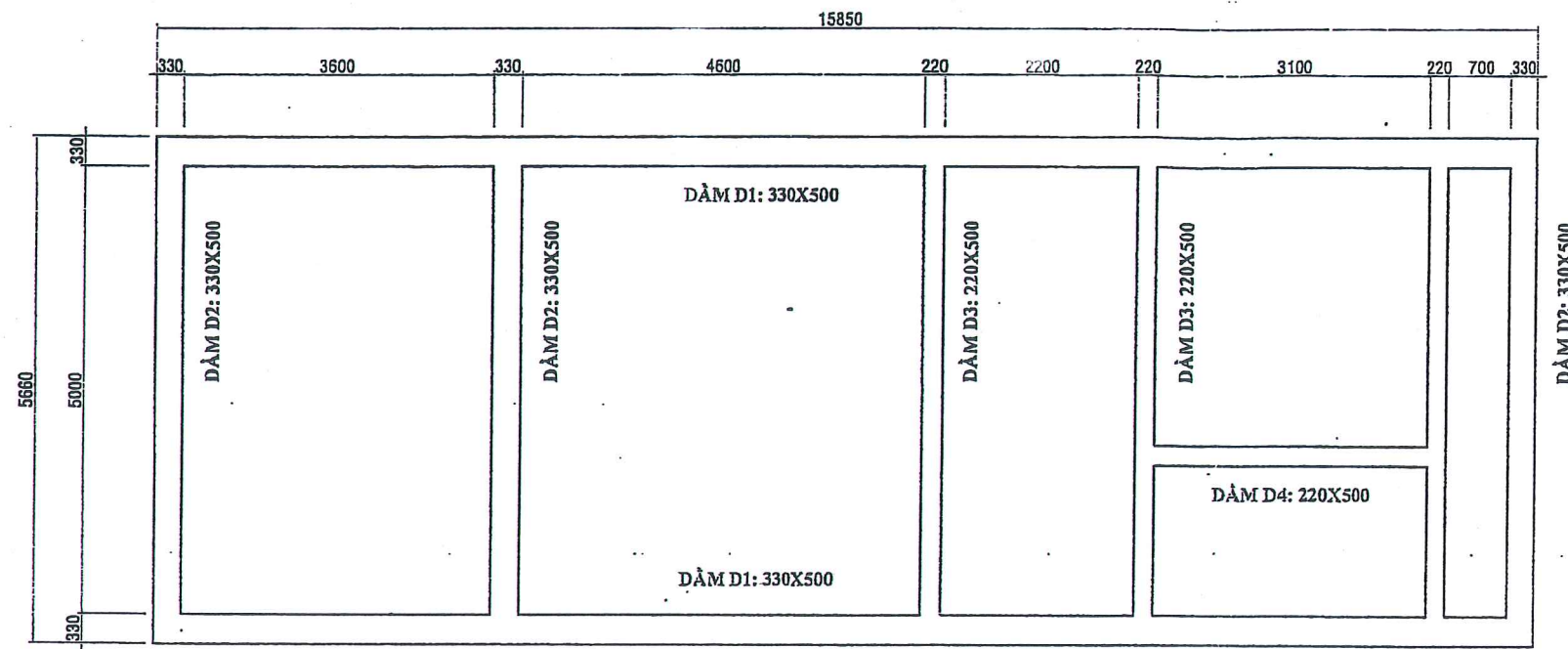
1/2019

SỐ HIỆU BẢN VẼ:

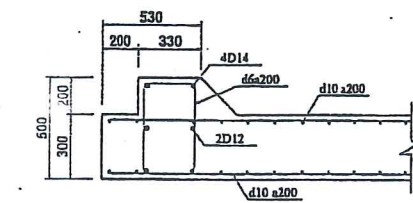
XD-04



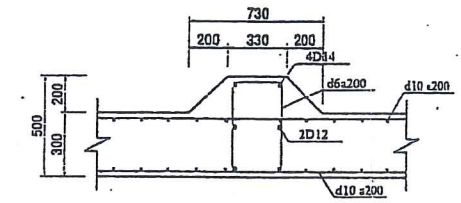
# MẶT BẰNG THÉP DÀM MÓNG BỂ



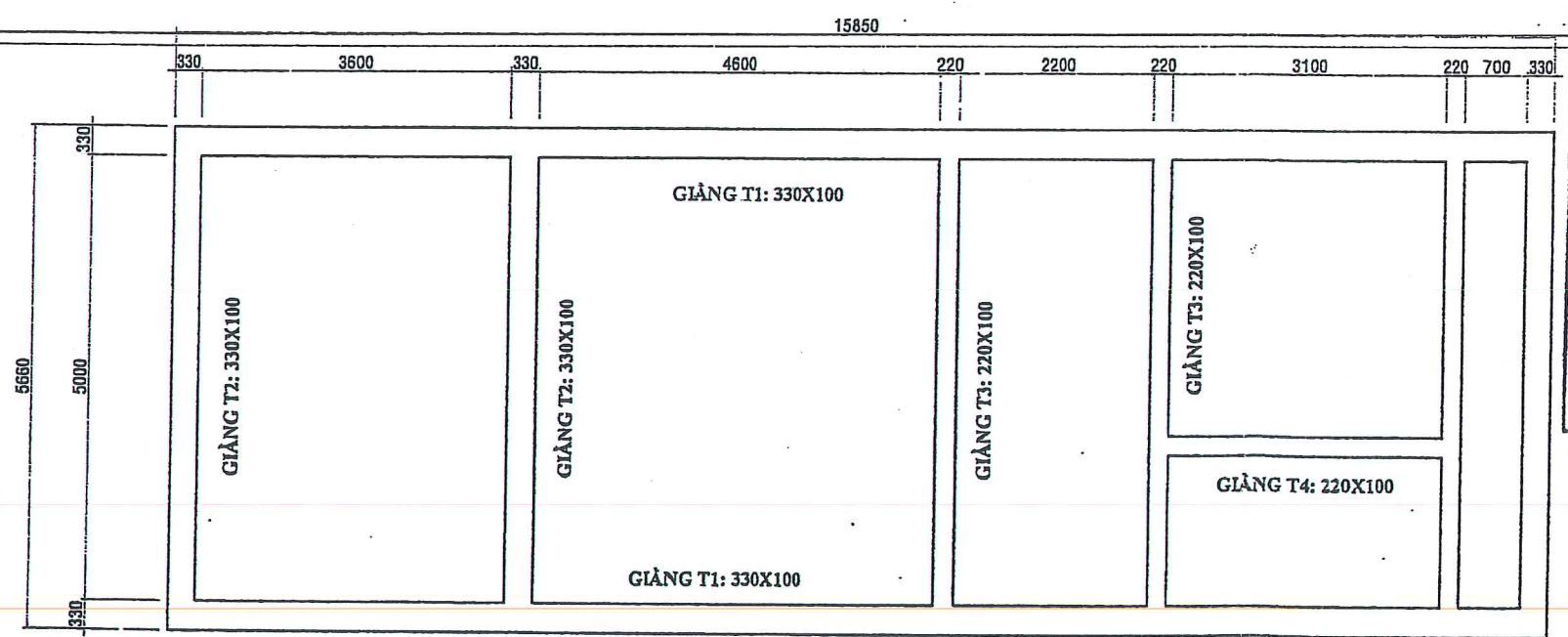
MẶT CẮT 1-1



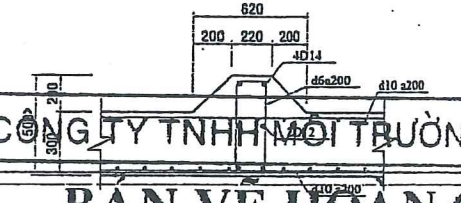
MẶT CẮT 1-1



# MẶT BẰNG THÉP GIẺNG TƯỜNG BỂ



MẶT CẮT 4-4



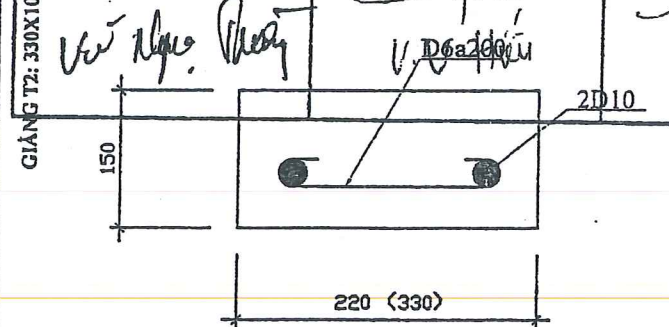
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày...03...tháng...08...năm 2018...

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký) Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chữ ký)

MẶT CẮT GIẺNG TƯỜNG



CHỦ ĐẦU TƯ:  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẬP ANI

GIÁM ĐỐC:  
*[Signature]*

KỸ THUẬT:  
*[Signature]* pham Van Tuc

ĐỊA ĐIỂM:  
CCN AN ĐÔNG - NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

DỰ ÁN:  
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
CÔNG SUẤT Q=100M3/NGÀY ĐỀM  
(NƯỚC THẢI SINH HOẠT 85M3/NGÀY, NƯỚC THẢI  
RỬA HẠT NHỰA 15M3/THÁNG 3 LẦN XẢ)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:  
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG  
VINAXANH



GIÁM ĐỐC:  
*[Signature]*  
KHOA ANH PHÂN

TÊN BẢN VẼ:  
BỐ TRÍ THÉP DÀM  
MÓNG + GIẺNG  
TƯỜNG

NGÀY: 1/7/2019 SỐ HIỆU BẢN VẼ:  
XD-05

## GHI CHÚ:

- Bê tông móng M200 đá 1x2.
- Bê tông nền NĐH + bê tông mái + bê tông nắp bể M200 đá 1x2
- Tường xây gạch chỉ đặc M75, Vữa XMCV M76
- Tường trát vữa XMCV M75, đánh bóng chống thấm

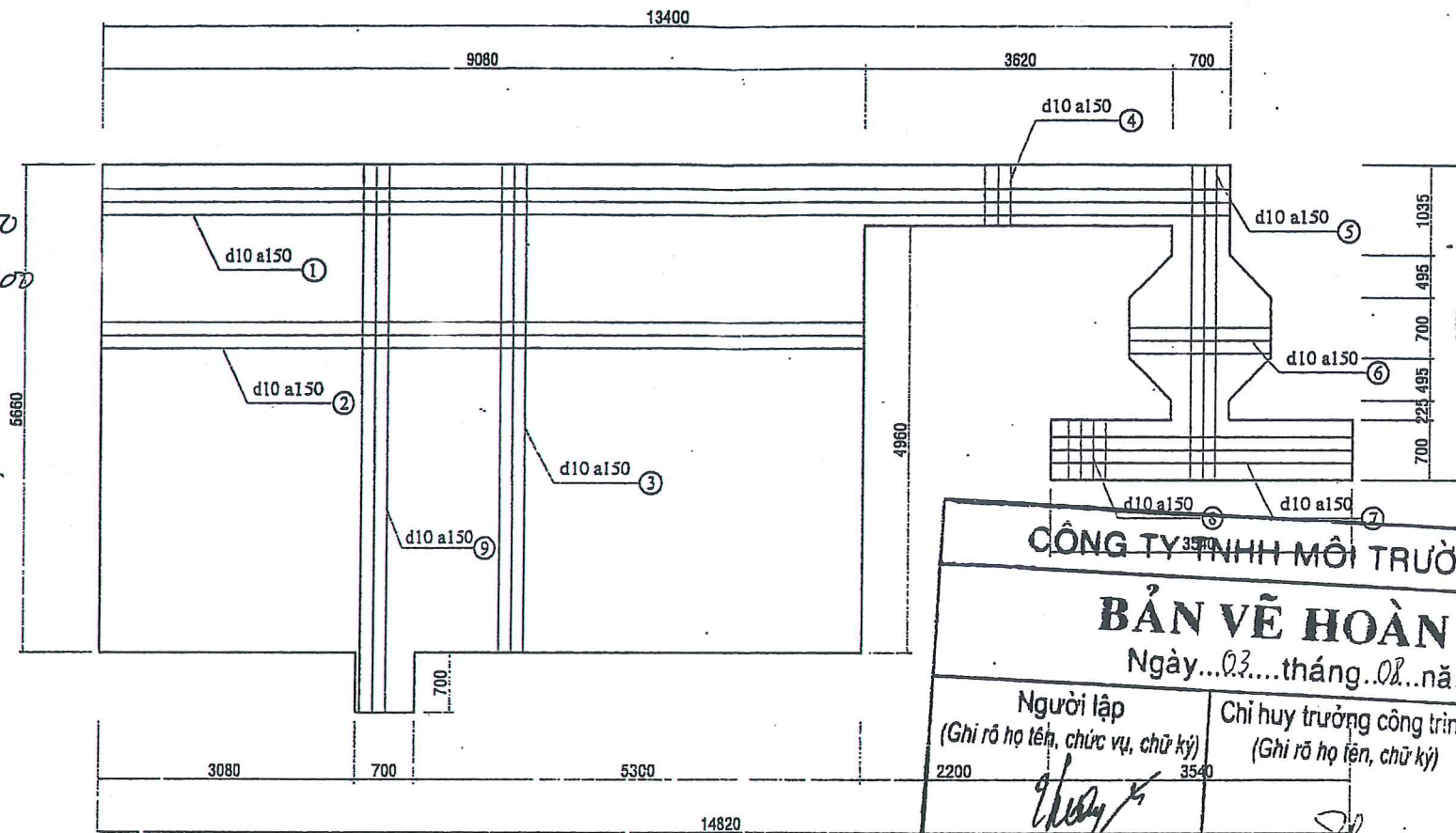
Thép d 14 - SD Hép - CB.4 hoặc thép chịu lực vữa để



# MẶT BẰNG THÉP NẮP BỂ

Thép nắp bể d10-a150  
Chuyển thành d10-a100

21/6/2019  
ĐTC



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

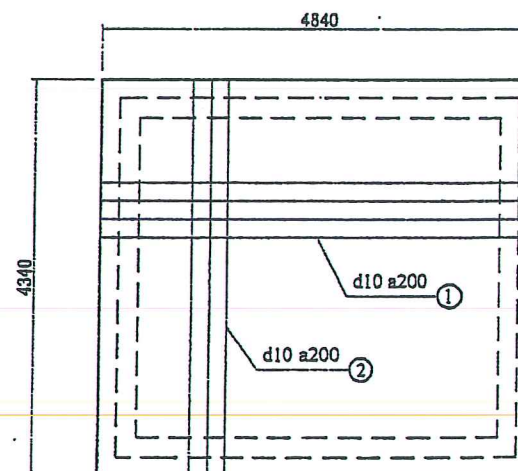
Ngày...03...tháng...08...năm 2018...

|                                                                        |                                                                            |                                                                   |
|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Người lập<br>(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)<br>2200<br>Vũ Ngọc Hoàng | Chỉ huy trưởng công trình<br>(Ghi rõ họ tên, chữ ký)<br>3540<br>V. V. Hùng | Tư vấn giám sát trường<br>(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)<br>ĐTC |
|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|

# MẶT BẰNG THÉP MÁI NHÀ ĐIỀU HÀNH

Mái nhà điều hành thép  
d10-a200 Chuyển thành  
d10-a150

21/6/2019  
ĐTC



## GHI CHÚ:

- Bê tông móng M200 đá 1x2.
- Bê tông nền NĐH + bê tông mái + bê tông nắp bể M200 đá 1x2
- Tường xây gạch chỉ đặc M75, Vữa XMCV M76
- Tường trát vữa XMCV M75, đánh bóng chống thấm
- Thép d14: SĐ thép CB4 hoặc tương đương về cường độ
- Thép d < 14: SĐ thép CB3; AII; hoặc tương đương về cường độ

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẬP ANI

GIÁM ĐỐC:

*(Signature)*

KỸ THUẬT:

*(Signature)* Phạm Văn Tiến

ĐỊA ĐIỂM:

CCN AN ĐỒNG - NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

DỰ ÁN:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
CÔNG SUẤT Q=100M3/NGÀY ĐÊM  
(NƯỚC THẢI SINH HOẠT 85M3/NGÀY, NƯỚC THẢI  
RỬA HẠT NHỰA 45M3/THÁNG/3 LẦN XẢ)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG  
VINAXANH



ĐỊA CHỈ: Số 34B Lĩnh Lang - Ba Đình - Hà Nội  
ĐIỆN THOẠI: 024.62861682  
Website: www.vinaxanh.net



KIỀU ANH PHÂN

TÊN BẢN VẼ:

**BỐ TRÍ THÉP DÂM  
MÓNG + GIẰNG  
TƯỜNG**

NGÀY:

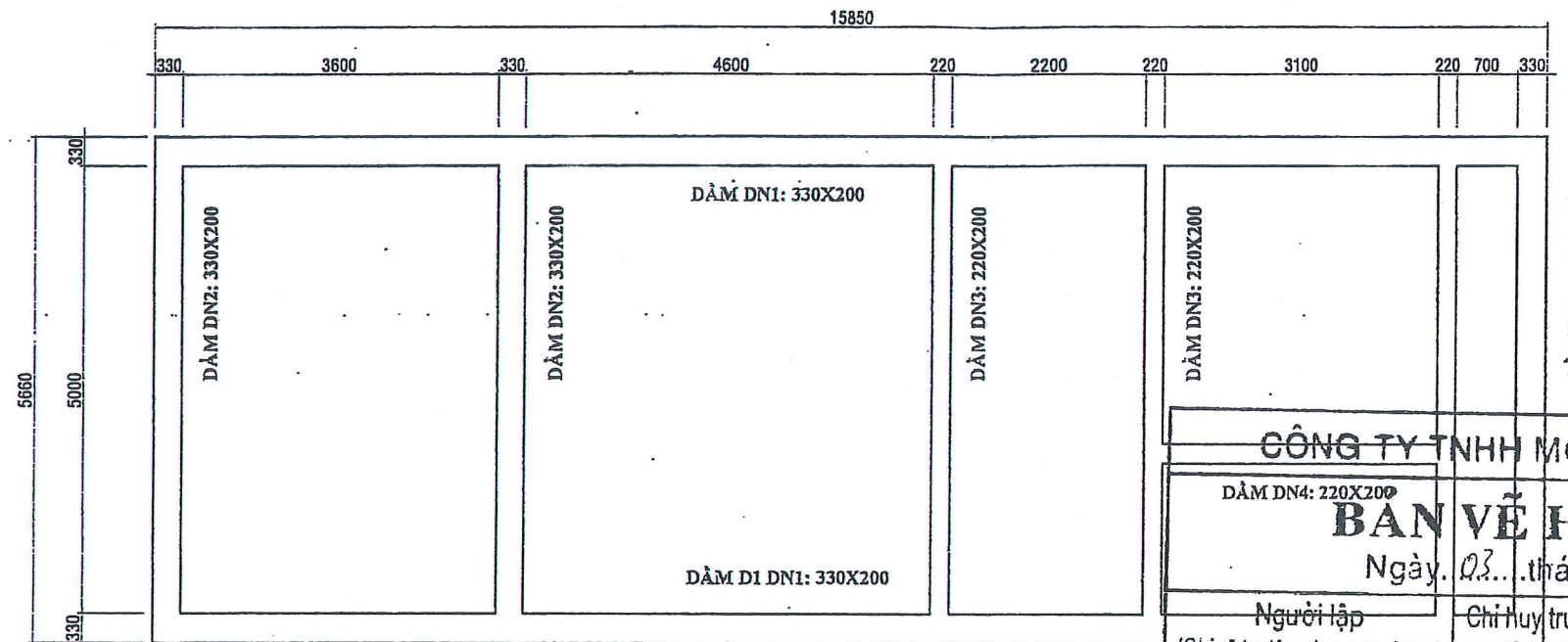
1/7/2019

SỐ HIỆU BẢN VẼ:

XD-06



# MẶT BẰNG THÉP DẦM NẮP BỂ



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH

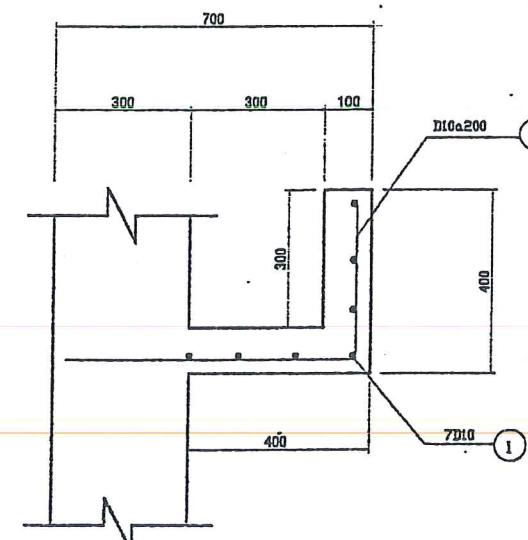
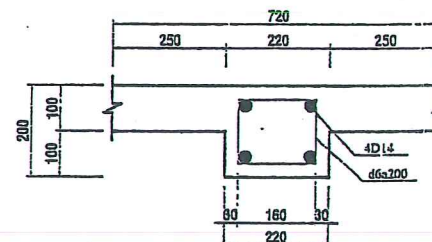
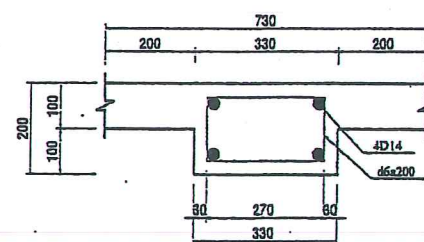
DẦM DN4: 220X200

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày: 03...tháng 08...năm 2020..

|                                               |                                                      |                                                            |
|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Người lập<br>(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) | Chỉ huy trưởng công trình<br>(Ghi rõ họ tên, chữ ký) | Tư vấn giám sát trường<br>(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) |
| <i>Nguyễn Văn Hùng</i>                        | <i>Nguyễn Văn Hùng</i>                               | <i>Nguyễn Văn Hùng</i>                                     |
| CHỈ TIẾT A U V Hiệu                           |                                                      |                                                            |

## MẶT CẮT ĐẠI DIỆN DẦM NẮP BỂ



Ghi chú: Tầng trệt XD-06

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẬP ANI

GIÁM ĐỐC:

*Nguyễn Văn Hùng*

KỸ THUẬT:

*Nguyễn Văn Hùng*

ĐỊA ĐIỂM:

CCN AN ĐỒNG - NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

DỰ ÁN:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
CÔNG SUẤT Q=100M<sup>3</sup>/NGÀY ĐÊM  
(NƯỚC THẢI SINH HOẠT 85M<sup>3</sup>/NGÀY, NƯỚC THẢI  
RỬA HẠT NHỰA 45M<sup>3</sup>/THÁNG 3 LẦN XẢ)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG  
VINAXANH



ĐỊA CHỈ: Số 34B Linh Lang - Ba Đình - Hà Nội  
ĐIỆN THOẠI: 024.62861682  
Website: [www.vinaxanh.net](http://www.vinaxanh.net)



GIÁM ĐỐC:

*Nguyễn Văn Hùng*

KIỀU ANH PHẢN

TÊN BẢN VẼ:

**BỐ TRÍ THÉP DẦM  
NẮP BỂ**

NGÀY:

11/2019

SỐ HIỆU BẢN VẼ:

XD-07



| BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP MÓNG |         |                        |                 |                        |          |      |                   |
|-----------------------------|---------|------------------------|-----------------|------------------------|----------|------|-------------------|
| TÊN C.KIỆN                  | SỐ HIỆU | HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC | ĐƯỜNG KÍNH (mm) | CHIỀU DÀI 1 THANH (mm) | SỐ LƯỢNG |      | TỔNG T.LƯỢNG (Kg) |
|                             |         |                        |                 |                        | 1 C.KIỆN | T.BỘ |                   |
| Móng bê<br>Số lượng: 2      | 1       | 16250                  | 10              | 16550                  | 30       | 60   | 993               |
|                             | 2       | 6060                   | 10              | 6060                   | 81       | 162  | 981.72            |
| Dầm móng<br>Số lượng: 1     | 1       | 69200                  | 14              | 71300                  | 4        | 4    | 285.2             |
|                             | 2       | 69200                  | 12              | 71000                  | 2        | 2    | 142               |
|                             | 3       | 270 440 50             | 6               | 1520                   | 243      | 243  | 369.36            |
|                             | 4       | 160 440 50             | 6               | 1300                   | 103      | 103  | 133.9             |
| Dầm móng NBH<br>Số lượng: 2 | 1       | 16760                  | 14              | 17180                  | 4        | 8    | 137.44            |
|                             | 2       | 160 240 50             | 6               | 900                    | 84       | 168  | 151.2             |
|                             | 3       | 16760                  | 10              | 17060                  | 6        | 12   | 204.72            |
|                             | 4       | 540                    | 10              | 540                    | 84       | 168  | 90.72             |

- Trọng lượng thép có đường kính  $\Phi 6 = 145.26$  kg; Chiều dài = 654.46 mét  
 - Trọng lượng thép có đường kính  $\Phi 10 = 1399.64$  kg; Chiều dài = 2270.16 mét  
 - Trọng lượng thép có đường kính  $\Phi 12 = 126.07$  kg; Chiều dài = 142 mét  
 - Trọng lượng thép có đường kính  $\Phi 14 = 510.72$  kg; Chiều dài = 422.64 mét

| BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP DẦM |         |                        |                 |                        |          |      |                   |
|----------------------------|---------|------------------------|-----------------|------------------------|----------|------|-------------------|
| TÊN C.KIỆN                 | SỐ HIỆU | HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC | ĐƯỜNG KÍNH (mm) | CHIỀU DÀI 1 THANH (mm) | SỐ LƯỢNG |      | TỔNG T.LƯỢNG (Kg) |
|                            |         |                        |                 |                        | 1 C.KIỆN | T.BỘ |                   |
| Dầm nắp<br>Số lượng: 1     | 1       | 69200                  | 14              | 71300                  | 4        | 4    | 285.2             |
|                            | 2       | 140 270 0              | 6               | 820                    | 243      | 243  | 199.26            |
|                            | 3       | 140 160 0              | 6               | 600                    | 103      | 103  | 61.8              |
| Giằng TB<br>Số lượng: 1    | 1       | 69200                  | 10              | 70700                  | 2        | 2    | 141.4             |
|                            | 2       | 30 270 30              | 10              | 330                    | 243      | 243  | 80.19             |
|                            | 3       | 30 160 30              | 10              | 220                    | 103      | 103  | 22.66             |
| Dầm NBH<br>Số lượng: 1     | 1       | 16760                  | 14              | 17180                  | 4        | 4    | 68.72             |
|                            | 2       | 140 160 50             | 6               | 700                    | 84       | 84   | 58.8              |
| Giằng NBH<br>Số lượng: 1   | 1       | 16760                  | 10              | 17060                  | 4        | 4    | 68.24             |
|                            | 2       | 30 160 30              | 6               | 220                    | 84       | 84   | 18.48             |

- Trọng lượng thép có đường kính  $\Phi 6 = 75.1$  kg; Chiều dài = 338.34 mét  
 - Trọng lượng thép có đường kính  $\Phi 10 = 192.66$  kg; Chiều dài = 312.49 mét  
 - Trọng lượng thép có đường kính  $\Phi 12 = 141.84$  kg; Chiều dài = 165.91 mét

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH

## BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày...03...tháng...08...năm 2020...

| BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP NÁP |         |                        |                 |                        |          |      |                   |
|----------------------------|---------|------------------------|-----------------|------------------------|----------|------|-------------------|
| TÊN C.KIỆN                 | SỐ HIỆU | HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC | ĐƯỜNG KÍNH (mm) | CHIỀU DÀI 1 THANH (mm) | SỐ LƯỢNG |      | TỔNG T.LƯỢNG (Kg) |
|                            |         |                        |                 |                        | 1 C.KIỆN | T.BỘ |                   |
| Nắp bê<br>Số lượng: 1      | 1       | 13400                  | 10              | 13700                  | 5        | 5    | 68.5              |
|                            | 2       | 9080                   | 10              | 9080                   | 33       | 33   | 299.64            |
|                            | 3       | 5660                   | 10              | 5660                   | 56       | 56   | 316.96            |
|                            | 4       | 6360                   | 10              | 6360                   | 5        | 5    | 31.8              |
|                            | 5       | 700                    | 10              | 700                    | 20       | 20   | 14                |
|                            | 6       | 3650                   | 10              | 3650                   | 7        | 7    | 25.55             |
|                            | 7       | 1690                   | 10              | 1690                   | 10       | 10   | 16.9              |
|                            | 8       | 3540                   | 10              | 3540                   | 5        | 5    | 17.7              |
| Mái NBH<br>Số lượng: 1     | 1       | 4840                   | 10              | 4840                   | 29       | 29   | 140.36            |
|                            | 2       | 4340                   | 10              | 4340                   | 32       | 32   | 138.88            |

- Trọng lượng thép có đường kính  $\Phi 10 = 668.5$  kg; Chiều dài = 1084.29 mét

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  
 Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký)  
 Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ANI

GIÁM ĐỐC:  
*[Signature]*

KỸ THUẬT:  
*[Signature]* Phạm Văn Tư

ĐỊA ĐIỂM:  
 CCN AN ĐỒNG - NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

DỰ ÁN:  
 XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT Q=100M3/NGÀY ĐỀM (NƯỚC THẢI SINH HOẠT 85M3/NGÀY, NƯỚC THẢI RỬA HẠT NHỰA 45M3/THÁNG/5 LẦN XẢ)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH



ĐỊA CHỈ: Số 34B Linh Lang - Ba Đình - Hà Nội  
 ĐIỆN THOẠI: 024.62361682  
 WEBSITE: www.vinaxanh.net



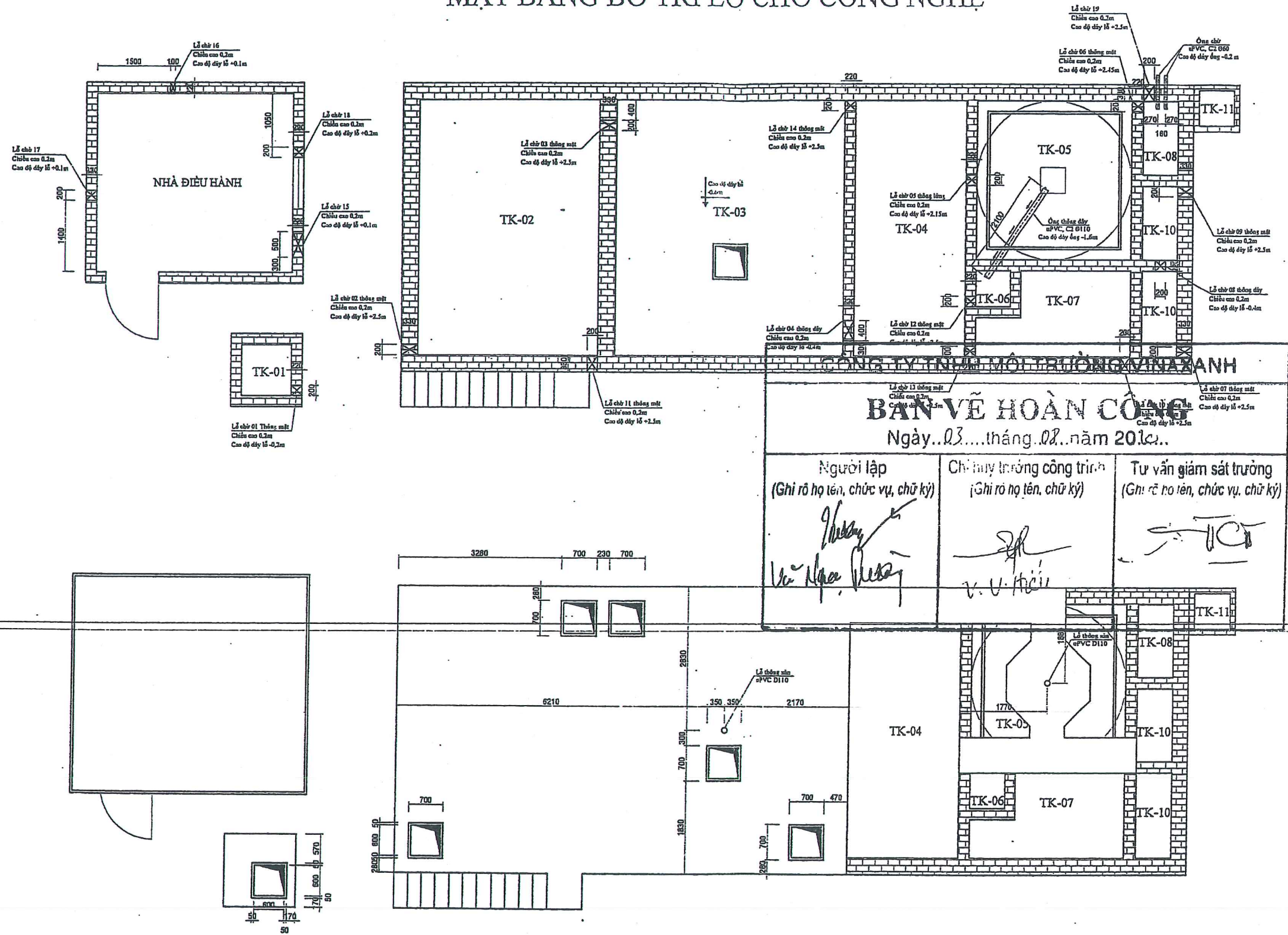
GIÁM ĐỐC  
*[Signature]* Kiều Anh Phan

TÊN BẢN VẼ:  
 BỐ TRÍ THÉP DẦM NÁP BÊ

NGÀY: 1/2019 SỐ HIỆU BẢN VẼ: XD-08



MẶT BẰNG BỐ TRÍ LỖ CHỜ CÔNG NGHỆ



GHI CHÚ:

- TK-01: BỂ GOM.
- TK-02: BỂ ĐIỀU HÒA.
- TK-03: BỂ THIẾU KHÍ.
- TK-04: BỂ HIẾU KHÍ.
- TK-05: BỂ LẮNG SINH HỌC.
- TK-06: BỂ TÁCH BÙN.
- TK-07: BỂ CHỨA BÙN.
- TK-08: BỂ TRUNG GIẠN
- TK-09: BỒN LỌC ÁP LỰC
- TK-10: BỂ KHỬ TRÙNG.
- TK-11: HỒ GA KIỂM SOÁT

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẬP ANI

GIÁM ĐỐC:

KỸ THUẬT:

ĐỊA ĐIỂM:

CCN AN ĐỒNG - NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

DỰ ÁN:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
CÔNG SUẤT Q=100M<sup>3</sup>/NGÀY ĐÊM  
(NƯỚC THẢI SINH HOẠT 85M<sup>3</sup>/NGÀY, NƯỚC THẢI  
RỬA HẠT NHỰA 45M<sup>3</sup>/THÁNG 3 LẦN XẢ)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG  
VINAXANH



ĐỊA CHỈ: Số 34B Lĩnh Lang - Ba Đình - Hà Nội  
ĐIỆN THOẠI: 024.62861682  
WEBSITE: www.vinaxanh.net

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
MÔI TRƯỜNG  
VINAXANH  
HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC:  
Kiều Anh Phan

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG BỐ TRÍ  
LỖ CHỜ CÔNG NGHỆ

NGÀY:

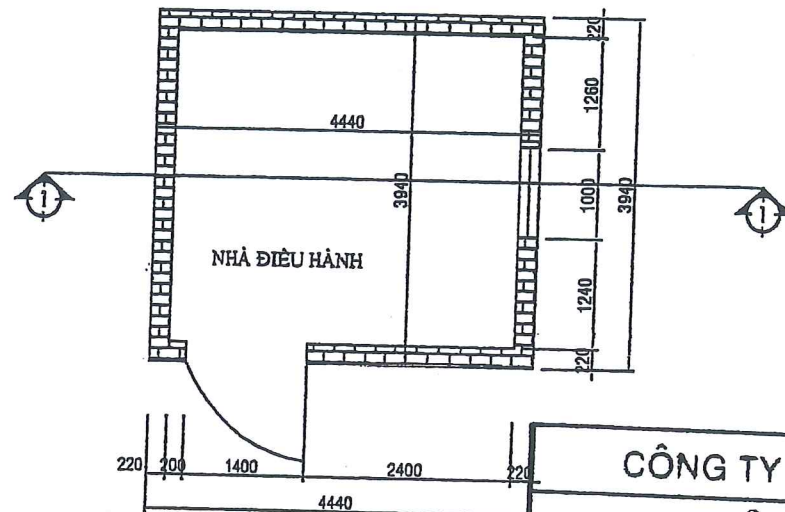
1/2019

SỐ HIỆU BẢN VẼ:

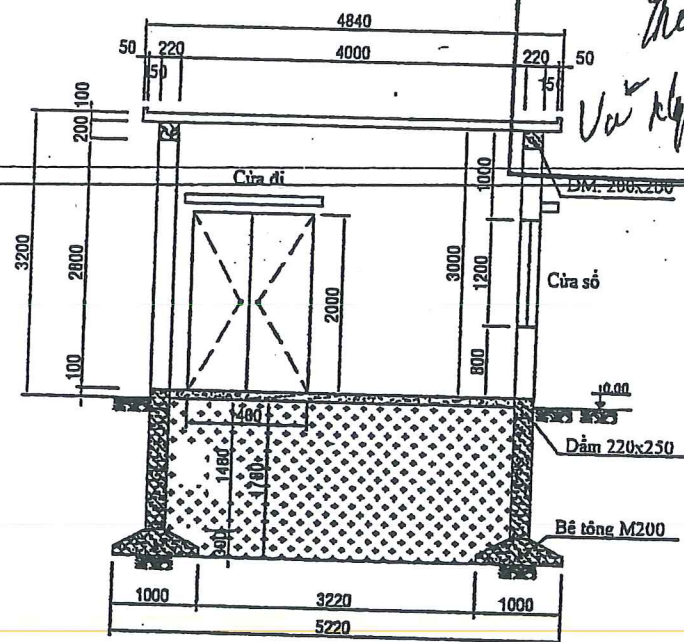
XD-09



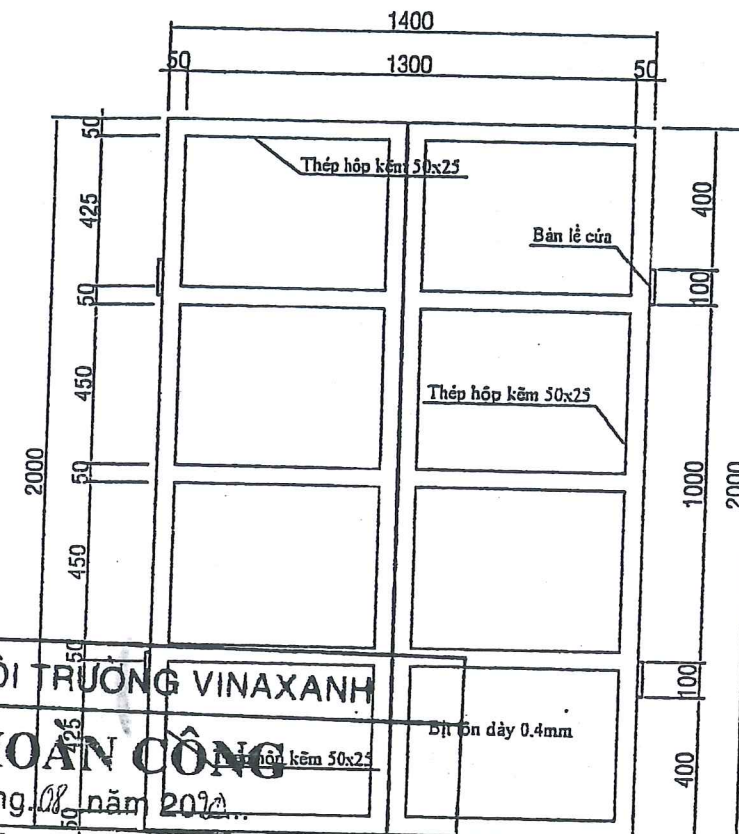
MẶT BẰNG NHÀ ĐIỀU HÀNH



MẶT CẮT 1-1



CỬA ĐI



GHI CHÚ

Cửa đi + cửa sổ khung thép kẽm 50x25mm, bịt tôn dày 0.4mm

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày...03...tháng...08...năm 2012...

Người lập  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

*Thay đ. Tru. Yên*  
Vũ Ngọc Huyền

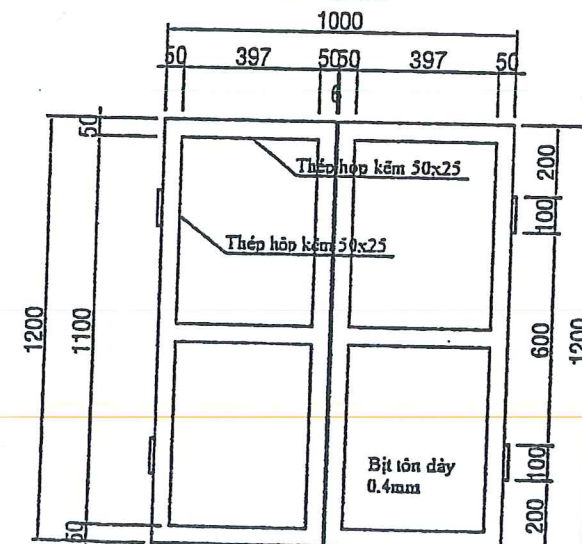
Chỉ huy trưởng công trình  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

*V.V. Hieu*  
V.V. Hieu

Tư vấn giám sát trưởng  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

*Thay đ. Tru. Yên*  
Thay đ. Tru. Yên

CỬA SỔ



Thay đ. Tru. Yên  
Cửa Cửa nhà thao  
1000mm x 1200mm  
Phải 8/12.

19/8/19

*Thay đ. Tru. Yên*

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẬP ANI

GIÁM ĐỐC:

KỸ THUẬT:

ĐỊA ĐIỂM:

CCN AN ĐÔNG - NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

DỰ ÁN:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ  
NƯỚC THẢI SINH HOẠT  
CÔNG SUẤT Q=100M<sup>3</sup>/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG  
VINAXANH



ĐỊA CHỈ: Số 34B Lĩnh Lang - Ba Đình - Hà Nội  
ĐIỆN THOẠI: 024.62861682  
WEBSITE: www.vinaxanh.net

GIÁM ĐỐC:

KỸ THUẬT:

*Thay đ. Tru. Yên*

KIỀU ANH PHÁN

TÊN BẢN VẼ:

CỬA ĐI + CỬA SỔ

NGÀY:

11/2019

SỐ HIỆU BẢN VẼ:



# NHẬT KÝ VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Thời gian: Tuần từ 21/3/2025 Đến 5/4/2025

| Nội dung kiểm tra        |                                   | Tình trạng vận hành/ các thông số                                                   |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                       |                                                                                       |                                                                                       |          |
|--------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|                          |                                   | Thứ 2                                                                               | Thứ 3                                                                               | Thứ 4                                                                               | Thứ 5                                                                                 | Thứ 6                                                                                 | Thứ 7                                                                                 | Chủ nhật |
| Thời tiết                |                                   | Nắng                                                                                | Nắng                                                                                | Nắng                                                                                | Nắng                                                                                  | Nắng                                                                                  | Nắng                                                                                  |          |
| Nhiệt độ môi trường (°C) |                                   | 17°C                                                                                | 19°C                                                                                | 20°C                                                                                | 20°C                                                                                  | 20°C                                                                                  | 28°C                                                                                  |          |
| Thời gian vận hành (h)   |                                   | 24                                                                                  | 24                                                                                  | 24                                                                                  | 24                                                                                    | 24                                                                                    | 24                                                                                    |          |
| Bể gom                   | Mức nước                          | BT                                                                                  | BT                                                                                  | BT                                                                                  | BT                                                                                    | BT                                                                                    | BT                                                                                    |          |
|                          | Tình trạng bơm                    | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |          |
| Bể điều hoà              | Mức nước                          | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |          |
|                          | Tình trạng bơm                    | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |          |
| Bể hiếu khí              | Nhiệt độ bùn (%)                  | 20%                                                                                 | 20%                                                                                 | 20%                                                                                 | 20%                                                                                   | 25%                                                                                   | 20%                                                                                   |          |
|                          | Tình trạng sục khí                | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |          |
| Bể lắng                  | Độ trong nước xử lý               | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |          |
|                          | Tình trạng động cơ gom bùn        | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |          |
|                          | Tình trạng bơm                    | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |          |
| Bể khử trùng             |                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |          |
| Tình trạng máy thổi khí  |                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |          |
| Tình trạng bơm cột lọc   |                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |          |
| Tủ điện điều khiển       |                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |          |
| Tình trạng cột lọc       |                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |          |
| Hoá chất                 | Cơ chất dinh dưỡng (Kg)           | —                                                                                   | —                                                                                   | —                                                                                   | —                                                                                     | —                                                                                     | —                                                                                     |          |
|                          | Cơ chất Methano (Kg)              | 15                                                                                  | 15                                                                                  | 15                                                                                  | 15                                                                                    | 15                                                                                    | 15                                                                                    |          |
|                          | Hoá chất khử trùng                | 1                                                                                   | 1                                                                                   | 1                                                                                   | 1                                                                                     | 1                                                                                     | 1                                                                                     |          |
|                          | Tình trạng bơm hoá chất khử trùng | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                   | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |          |
| Chỉ số công tơ nước thải |                                   | 017                                                                                 | 032                                                                                 | 048                                                                                 | 064                                                                                   | 081                                                                                   | 096                                                                                   |          |
| Lưu lượng nước thải (m³) |                                   | 17                                                                                  | 15                                                                                  | 16                                                                                  | 16                                                                                    | 17                                                                                    | 15                                                                                    |          |
| Người kiểm tra           |                                   |  |  |  |  |  |  |          |



## NHẬT KÝ VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Thời gian: Tuần từ.....7/4/2025..... Đến.....12/4/2025.....

[illegible]



## NHẬT KÝ VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Thời gian: Tuần từ... 14/4/2025... Đến... 20/4/2025...

[illegible]



# NHẬT KÝ VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Thời gian: Tuần từ 21/4/25 Đến 27/4/2025

| Nội dung kiểm tra        |                                   | Tình trạng vận hành/ các thông số |       |       |       |       |       |          |
|--------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|----------|
|                          |                                   | Thứ 2                             | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7 | Chủ nhật |
| Thời tiết                |                                   | Này                               | Này   | Này   | Này   | Này   | Này   | Này      |
| Nhiệt độ môi trường (°C) |                                   | 30°C                              | 30°C  | 30°C  | 30°C  | 30°C  | 30°C  | 30°C     |
| Thời gian vận hành (h)   |                                   | 24                                | 24    | 24    | 24    | 24    | 24    | 24       |
| Bể gom                   | Mức nước                          | BT                                | BT    | BT    | BT    | BT    | BT    | BT       |
|                          | Tình trạng bơm                    | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓        |
| Bể điều hoà              | Mức nước                          | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓        |
|                          | Tình trạng bơm                    | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓        |
| Bể hiếu khí              | Nhiệt độ bùn (%)                  | 25%                               | 25%   | 25%   | 25%   | 25%   | 25%   | 25%      |
|                          | Tình trạng sục khí                | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓        |
| Bể lắng                  | Độ trong nước xử lý               | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓        |
|                          | Tình trạng động cơ gom bùn        | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓        |
|                          | Tình trạng bơm                    | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓        |
| Bể khử trùng             |                                   | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓        |
| Tình trạng máy thổi khí  |                                   | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓        |
| Tình trạng bơm cột lọc   |                                   | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓        |
| Tủ điện điều khiển       |                                   | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓        |
| Tình trạng cột lọc       |                                   | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓        |
| Hoá chất                 | Cơ chất dinh dưỡng (Kg)           | —                                 | —     | —     | —     | —     | —     | —        |
|                          | Cơ chất Methano (Kg)              | 15                                | 15    | 15    | 15    | 15    | 15    | 15       |
|                          | Hoá chất khử trùng                | 1                                 | 1     | 1     | 1     | 1     | 1     | 1        |
|                          | Tình trạng bơm hoá chất khử trùng | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓        |
| Chỉ số công tơ nước thải |                                   | 304                               | 321   | 337   | 353   | 370   | 385   | 399      |
| Lưu lượng nước thải (m³) |                                   | 17                                | 17    | 16    | 16    | 17    | 15    | 14       |
| Người kiểm tra           |                                   | ✗                                 | ✗     | ✗     | ✗     | ✗     | ✗     | ✗        |



# NHẬT KÝ VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Thời gian: Tuần từ 28/4/2025 Đến 3/5/2025

| Nội dung kiểm tra        |                                   | Tình trạng vận hành/ các thông số                                                   |       |       |       |       |                                                                                       |                                                                                       |
|--------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|                          |                                   | Thứ 2                                                                               | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7                                                                                 | Chủ nhật                                                                              |
| Thời tiết                |                                   | Mưa                                                                                 |       |       |       |       | Nắng                                                                                  | Nắng                                                                                  |
| Nhiệt độ môi trường (°C) |                                   | 30°C                                                                                |       |       |       |       | 34°C                                                                                  | 35°C                                                                                  |
| Thời gian vận hành (h)   |                                   | 24                                                                                  |       |       |       |       | 24                                                                                    | 24                                                                                    |
| Bể gom                   | Mức nước                          | BT                                                                                  |       |       |       |       | BT                                                                                    | BT                                                                                    |
|                          | Tình trạng bơm                    | ✓                                                                                   |       |       |       |       | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |
| Bể điều hoà              | Mức nước                          | ✓                                                                                   |       |       |       |       | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |
|                          | Tình trạng bơm                    | ✓                                                                                   |       |       |       |       | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |
| Bể hiếu khí              | Nhiệt độ bùn (%)                  | 25%                                                                                 |       |       |       |       | 25%                                                                                   | 25%                                                                                   |
|                          | Tình trạng sục khí                | ✓                                                                                   |       |       |       |       | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |
| Bể lắng                  | Độ trong nước xử lý               | ✓                                                                                   |       |       |       |       | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |
|                          | Tình trạng động cơ gom bùn        | ✓                                                                                   |       |       |       |       | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |
|                          | Tình trạng bơm                    | ✓                                                                                   |       |       |       |       | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |
| Bể khử trùng             |                                   | ✓                                                                                   |       |       |       |       | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |
| Tình trạng máy thổi khí  |                                   | ✓                                                                                   |       |       |       |       | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |
| Tình trạng bơm cột lọc   |                                   | ✓                                                                                   |       |       |       |       | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |
| Tủ điện điều khiển       |                                   | ✓                                                                                   |       |       |       |       | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |
| Tình trạng cột lọc       |                                   | ✓                                                                                   |       |       |       |       | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |
| Hoá chất                 | Cơ chất dinh dưỡng (Kg)           | —                                                                                   |       |       |       |       | —                                                                                     | —                                                                                     |
|                          | Cơ chất Methano (Kg)              | 15                                                                                  |       |       |       |       | 15                                                                                    | 15                                                                                    |
|                          | Hoá chất khử trùng                | 4                                                                                   |       |       |       |       | 4                                                                                     | 4                                                                                     |
|                          | Tình trạng bơm hoá chất khử trùng | ✓                                                                                   |       |       |       |       | ✓                                                                                     | ✓                                                                                     |
| Chỉ số công tơ nước thải |                                   | 416                                                                                 |       |       |       |       | 450                                                                                   | 467                                                                                   |
| Lưu lượng nước thải (m³) |                                   | 12                                                                                  |       |       |       |       | 34                                                                                    | 17                                                                                    |
| Người kiểm tra           |                                   |  |       |       |       |       |  |  |



# NHẬT KÝ VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Thời gian: Tuần từ 5/5/25 Đến 11/5/2025

| Nội dung kiểm tra        |                                   | Tình trạng vận hành/ các thông số |       |       |       |       |       |          |
|--------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|----------|
|                          |                                   | Thứ 2                             | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7 | Chủ nhật |
| Thời tiết                |                                   | Này                               | Này   | Này   | Này   | Này   | Này   |          |
| Nhiệt độ môi trường (°C) |                                   | 35°C                              | 35°C  | 35°C  | 35°C  | 35°C  | 35°C  |          |
| Thời gian vận hành (h)   |                                   | 24                                | 24    | 24    | 24    | 24    | 24    |          |
| Bể gom                   | Mức nước                          | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     |          |
|                          | Tình trạng bơm                    | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     |          |
| Bể điều hoà              | Mức nước                          | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     |          |
|                          | Tình trạng bơm                    | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     |          |
| Bể hiếu khí              | Nhiệt độ bùn (%)                  | 25%                               | 25%   | 25%   | 25%   | 25%   | 25    |          |
|                          | Tình trạng sục khí                | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     |          |
| Bể lắng                  | Độ trong nước xử lý               | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     |          |
|                          | Tình trạng động cơ gom bùn        | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     |          |
|                          | Tình trạng bơm                    | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     |          |
| Bể khử trùng             |                                   | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     |          |
| Tình trạng máy thổi khí  |                                   | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     |          |
| Tình trạng bơm cột lọc   |                                   | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     |          |
| Tủ điện điều khiển       |                                   | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     |          |
| Tình trạng cột lọc       |                                   | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     |          |
| Hoá chất                 | Cơ chất dinh dưỡng (Kg)           | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     |          |
|                          | Cơ chất Methano (Kg)              | 15                                | 15    | 15    | 15    | 15    | 15    |          |
|                          | Hoá chất khử trùng                | 1                                 | 1     | 1     | 1     | 1     | 1     |          |
|                          | Tình trạng bơm hoá chất khử trùng | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     | ✓     |          |
| Chỉ số công tơ nước thải |                                   | 483                               | 499   | 516   | 530   | 547   | 564   |          |
| Lưu lượng nước thải (m³) |                                   | 16                                | 16    | 17    | 15    | 17    | 17    |          |
| Người kiểm tra           |                                   | ✍                                 | ✍     | ✍     | ✍     | ✍     | ✍     |          |

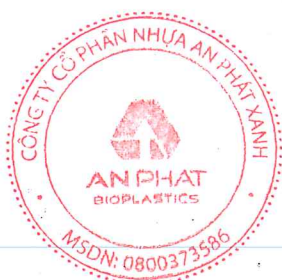


# NHẬT KÝ VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Thời gian: Tuần từ 13/5/2025 Đến 19/5/2025

| Nội dung kiểm tra        |                                   | Tình trạng vận hành/ các thông số |       |       |       |       |       |          |
|--------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|----------|
|                          |                                   | Thứ 2                             | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7 | Chủ nhật |
| Thời tiết                |                                   | Nắng                              | Nắng  | Nắng  | Mưa   |       |       |          |
| Nhiệt độ môi trường (°C) |                                   | 35°C                              | 35°C  | 35°C  | 35°C  |       |       |          |
| Thời gian vận hành (h)   |                                   | 24                                | 24    | 24    | 24    |       |       |          |
| Bể gom                   | Mức nước                          | BT                                | BT    | BT    | BT    |       |       |          |
|                          | Tình trạng bơm                    | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     |       |       |          |
| Bể điều hoà              | Mức nước                          | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     |       |       |          |
|                          | Tình trạng bơm                    | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     |       |       |          |
| Bể hiếu khí              | Nhiệt độ bùn (%)                  | 25/1                              | 25/1  | 25/1  | 25/1  |       |       |          |
|                          | Tình trạng sục khí                | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     |       |       |          |
| Bể lắng                  | Độ trong nước xử lý               | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     |       |       |          |
|                          | Tình trạng động cơ gom bùn        | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     |       |       |          |
|                          | Tình trạng bơm                    | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     |       |       |          |
| Bể khử trùng             |                                   | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     |       |       |          |
| Tình trạng máy thổi khí  |                                   | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     |       |       |          |
| Tình trạng bơm cột lọc   |                                   | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     |       |       |          |
| Tủ điện điều khiển       |                                   | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     |       |       |          |
| Tình trạng cột lọc       |                                   | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     |       |       |          |
| Hoá chất                 | Cơ chất dinh dưỡng (Kg)           | —                                 | —     | —     | —     |       |       |          |
|                          | Cơ chất Methano (Kg)              | 15                                | 15    | 15    | 10    |       |       |          |
|                          | Hoá chất khử trùng                | 1                                 | 1     | 1     | 1     |       |       |          |
|                          | Tình trạng bơm hoá chất khử trùng | ✓                                 | ✓     | ✓     | ✓     |       |       |          |
| Chỉ số công tơ nước thải |                                   | 570                               | 587   | 603   | 620   |       |       |          |
| Lưu lượng nước thải (m³) |                                   | 16                                | 17    | 16    | 17    |       |       |          |
| Người kiểm tra           |                                   |                                   |       |       |       |       |       |          |





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 27 tháng 7 năm 2020

## BIÊN BẢN BÀN GIAO

### HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

**Công trình:** Xây dựng, cung cấp thiết bị và lắp đặt hệ thống xử lý nước thải công suất 100m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Căn cứ hợp đồng kinh tế số 2505/2019/HĐKT/ANI-VNX ngày 25 tháng 05 năm 2019 giữa Công ty cổ phần xây lắp ANI và Công ty TNHH Môi trường Vinaxanh;
- Căn cứ biên bản số: 01/VNX ngày 03/6/2019 Nghiệm thu hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục: Xây dựng + công nghệ trạm xử lý nước thải Nhà máy 8;
- Căn cứ biên bản Nghiệm thu khối lượng hoàn thành giai đoạn thi công xây dựng trạm xử lý nước thải (phần xây dựng) ngày 28/10/2019;
- Căn cứ biên bản số 02-BBNT ngày 16/11/2019 Nghiệm thu hoàn thành hạng mục lắp đặt thiết bị trạm xử lý nước thải;
- Căn cứ biên bản làm việc ngày 24/6/2020 giữa 03 bên: Công ty Cổ Phần Nhựa An Phát Xanh; Công ty Cổ Phần Xây Lắp ANI; Công ty TNHH Môi Trường Vinaxanh.

Hôm nay, ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại dự án Nhà máy 8, Cụm công nghiệp An Đồng, TT Nam Sách, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương, chúng tôi gồm:

#### I. Bên nhận bàn giao:

- Đại diện: Công ty Cổ Phần Nhựa An Phát Xanh

+ Ông : Nguyễn Văn Khoản

Chức vụ: Giám đốc kỹ thuật

+ Ông : Phạm Văn Cường

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

#### II. Bên bàn giao:

- Đại diện Nhà thầu chính: Công ty Cổ Phần Xây Lắp ANI

+ Ông : Ứng Việt Cường

Chức vụ: Tổng giám đốc

+ Ông : Phạm Đình Ngu

Chức vụ: Trưởng tiểu ban QLDA

- Đại diện nhà thầu thi công: Công ty TNHH Môi Trường VinaXanh

+ Ông : Ngô Hồng Cẩm

Chức vụ: Giám đốc công ty

+ Ông : Vũ Văn Hiếu

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

Sau khi kiểm tra hiện trường, thực tế hoàn thành thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị, của trạm Xử lý nước thải, chúng tôi cùng nhau thống nhất bàn giao cho Chủ đầu tư để



quản lý với khối lượng như mục III, cụ thể như sau:

### III. Khối lượng bàn giao.

| Stt      | Mô tả vật tư thiết bị                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị | Đơn vị | Ghi chú                |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|------------------------|
| <b>I</b> | <b>PHẦN XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI</b>                                                                                                                                                                                    |        |        | Đã hoàn thành xây dựng |
| 1        | <b>Bể thu gom TK-01</b><br>- Thể tích: 2.75 m <sup>3</sup><br>- Kích thước thực dụng: 1000x1000x2500 mm<br>- Chất liệu tường: Gạch.<br>- Chất liệu đáy: Bê tông cốt thép<br>- Sàn thao tác: Bê tông cốt thép                     | BỂ     | 1      |                        |
| 2        | <b>Bể điều hòa TK-02.</b><br>- Thể tích: 57.6 m <sup>3</sup><br>- Kích thước thực dụng: 3600x5000x3500 mm<br>- Chất liệu tường: Gạch.<br>- Chất liệu đáy: Bê tông cốt thép<br>- Sàn thao tác: Bê tông cốt thép                   | BỂ     | 1      |                        |
| 3        | <b>Bể sinh học thiếu khí (Anoxic) TK-03</b><br>- Thể tích: 80.5 m <sup>3</sup><br>- Kích thước thực dụng: 4600x5000x3500 mm<br>- Chất liệu tường: Gạch.<br>- Chất liệu đáy: Bê tông cốt thép<br>- Sàn thao tác: Bê tông cốt thép | BỂ     | 1      |                        |
| 4        | <b>Bể sinh học hiếu khí TK-04</b><br>- Thể tích: 38.5m <sup>3</sup><br>- Kích thước thực dụng: 2200x5000x3500 mm<br>- Chất liệu tường: Gạch<br>- Chất liệu đáy: Bê tông cốt thép<br>- Sàn thao tác: Bê tông cốt thép             | BỂ     | 1      |                        |
| 5        | <b>Bể lắng sinh học TK-05</b><br>- Thể tích: 33.63 m <sup>3</sup><br>- Kích thước thực dụng: 3100x3100x3500 mm<br>- Chất liệu tường: Gạch.<br>- Chất liệu đáy: Bê tông cốt thép<br>- Sàn thao tác: Bê tông cốt thép              | BỂ     | 1      |                        |



| Stt | Mô tả vật tư thiết bị                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị | Đơn vị | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|---------|
| 6   | <b>Bể tách bùn TK-06.</b><br>- Thể tích: 1.715 m <sup>3</sup><br>- Kích thước thực dụng: 700x700x3500 mm<br>- Chất liệu tường: Gạch.<br>- Chất liệu đáy: Bê tông cốt thép<br>- Sàn thao tác: Bê tông cốt thép                                    | Bể     | 1      |         |
| 7   | <b>Bể chứa bùn sinh học TK-07</b><br>- Thể tích: 15,26m <sup>3</sup><br>- Kích thước thực dụng: 2160x2480x3500-700x700x3500 mm<br>- Chất liệu tường: Gạch<br>- Chất liệu đáy: Bê tông cốt thép<br>- Sàn thao tác: Bê tông cốt thép               | Bể     | 1      |         |
| 8   | <b>Bể trung gian TK-08</b><br>- Thể tích: 3.528m <sup>3</sup><br>- Kích thước thực dụng: 700x1440x3500 mm<br>- Chất liệu tường: Gạch.<br>- Chất liệu đáy: Bê tông cốt thép                                                                       | Bể     | 1      |         |
| 9   | <b>Bể khử trùng TK-10</b><br>- Thể tích: 8.18 m <sup>3</sup> ( 2 ngăn)<br>- Kích thước thực dụng: 700x3340x3500 mm<br>- Chất liệu tường: Gạch<br>- Chất liệu đáy: Bê tông cốt thép<br>- Sàn thao tác: Bê tông cốt thép                           | Bể     | 1      |         |
| 10  | <b>Hố ga kiểm soát TK-11</b><br>- Thể tích: 0,245 m <sup>3</sup><br>- Kích thước thực dụng: 700x700x500 mm<br>- Chất liệu tường: Gạch<br>- Chất liệu đáy: Bê tông cốt thép                                                                       | Bể     | 1      |         |
| 11  | <b>Nhà điều hành</b><br>- Diện tích mái: 21 m <sup>2</sup><br>- Kích thước lọt lòng: 4000x3500x3000 mm<br>- Chất liệu tường : Gạch<br>- Mái : Bê tông cốt thép<br>- Chất liệu nền: Bê tông M200 dày 10cm<br>- Cửa: Khung thép tráng kẽm bịt tôn. | Cái    | 1      |         |
| 12  | <b>Sơn cụm bể - nhà điều hành</b><br>- Sơn trang trí phần nổi của cụm bể và nhà điều hành<br>- Màu sơn: Sơn màu xanh                                                                                                                             | Gói    | 1      |         |



| Stt       | Mô tả vật tư thiết bị                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị | Đơn vị | Ghi chú               |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|-----------------------|
| <b>II</b> | <b>PHẦN THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI</b>                                                                                                                                                                                                    |        |        | Đã hoàn thành lắp đặt |
| 1         | <b>Bơm nước thải từ Bể gom - Bể điều hòa</b><br>- Nước sản xuất: Taiwan .<br>- Lưu lượng: $Q_{max} = 21m^3/giờ$ .<br>- Cột áp: $H_{max} = 12m$ .<br>- Chất liệu: Thân Inox.<br>- Công suất: $N = 0,75Kw$<br>- Điện áp: $E = 03phase, 380V, 50Hz$ .         | 2      | Cái    |                       |
| 2         | <b>Bơm nước thải chìm Bể điều hòa – Bể thiếu khí</b><br>- Nước sản xuất: Taiwan .<br>- Lưu lượng: $Q_{max} = 21m^3/giờ$ .<br>- Cột áp: $H_{max} = 12m$ .<br>- Chất liệu: Thân Inox.<br>- Công suất: $N = 0,75Kw$<br>- Điện áp: $E = 03phase, 380V, 50Hz$ . | 2      | Cái    |                       |
| 3         | <b>Motor khuấy trộn bể thiếu khí</b><br>- Nước sản xuất: Taiwan<br>- Công suất: 1.5kw<br>- Điện áp: 380v/50hz<br>- Ratio: 100:1<br>- Tốc độ: 15v/p<br>- Kiểu lắp :Mặt bích                                                                                 | 1      | Cái    |                       |
| 4         | <b>Cánh khuấy</b><br>- Nơi sản xuất: Vinaxanh.<br>- Vật liệu: inox sus 304, củ trục thép CT3<br>- Kích thước: $d \times H = 2600 \times 3600$                                                                                                              | 1      | Bộ     |                       |
| 5         | <b>Bồn pha chế cơ chất.</b><br>- Nước sản xuất: Việt Nam<br>- Thước đo mực nước<br>- Gia công đường ống cấp<br>- Bồn chứa: $V = 1000$ lít.                                                                                                                 | 2      | Cái    |                       |
| 6         | <b>Bơm nước thải từ Bể hiếu khí - Bể thiếu khí</b><br>- Nước sản xuất: Taiwan<br>- Lưu lượng: $Q_{max} = 21m^3/giờ$ .<br>- Cột áp: $H_{max} = 12m$ .<br>- Chất liệu: Thân Inox.<br>- Công suất: $N = 0,75Kw$<br>- Điện áp: $E = 03phase, 380V, 50Hz$ .     | 2      | Cái    |                       |



| Stt | Mô tả vật tư thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị | Đơn vị | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|---------|
| 7   | <b>Máy cung cấp dưỡng khí</b><br>- Nước sản xuất: Taiwan .<br>- Lưu lượng: $Q_{tk} = 3,34 \text{ m}^3 / \text{phút}$ .<br>- Cột áp: $H_{tk} = 4 \text{ m}$ .<br>- Công suất động cơ: $N = 4 \text{ Kw} = 5 \text{ HP}$ .<br>- Điện áp: 03phase, 380V, 50Hz.<br>- Phụ kiện: ống giảm thanh đầu vào, đầu ra. Bộ chân đế, dây coroa... | 2      | Cái    |         |
| 8   | <b>Hệ thống ống cấp khí trạm xử lý nước thải</b><br>- Nước sản xuất: Việt Nam<br>- Nhiệm vụ: Dẫn khí trong hệ thống<br>- Ống dẫn: Sắt tráng kẽm, PVC loại C2<br>- Phụ kiện: Van, co, tee, giảm, bích... phù hợp với vật liệu và chủng loại ống.<br>- Cấp mới và tận dụng toàn bộ hệ thống ống hiện hữu.                             | 1      | Bộ     |         |
| 9   | <b>Hệ thống đĩa phân phối khí hoà tan.</b><br>- Nước sản xuất: USA<br>- Hình dạng: Đĩa tròn, $D = 270 \text{ mm}$<br>- Lưu lượng khí: $Q_k = 3,17 \text{ lít/giây}$ .<br>- Phân phối tại các bể: khử trùng, hiếu khí, bùn                                                                                                           | 1      | Gói    |         |
| 10  | <b>Ống lắng trung tâm Bể lắng.</b><br>- Nước sản xuất: Việt Nam.<br>- Đường kính: $D = 700 \text{ mm}$ .<br>- Chiều cao: $H = 2.500 \text{ mm}$ .<br>- Vật liệu: Thép CT3, $d = 1,5 \text{ mm}$ .<br>- Sơn chống rỉ+trang trí<br>- Phụ kiện: Khung định vị, giá treo ống lắng, Bulong liên kết cấu trúc neo ống.                    | 1      | Cái    |         |
| 11  | <b>Tấm chắn bùn nổi bể lắng</b><br>- Nước sản xuất: Việt Nam.<br>- Kích thước: $400 \times 10400 \text{ mm}$<br>- Vật liệu: Thép CT3, $d = 1,5 \text{ mm}$ .<br>- Sơn chống rỉ + trang trí<br>- Phụ kiện: Khung định vị, giá treo tấm chắn bùn, Bulong liên kết cấu trúc neo.                                                       | 1      | Cái    |         |



| Stt | Mô tả vật tư thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị | Đơn vị | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|---------|
| 12  | <b>Hệ thống cần gạt bùn ly tâm.</b><br>- Nước sản xuất: Việt Nam.<br>- Đường kính: D= 3100mm.<br>- Chiều cao: H= 3500mm.<br>- Vật liệu: thép CT3,<br>- Cần gạt bùn: Trục gạt, cánh gạt bùn bằng thép, chổi gạt cao su.<br>- Phụ kiện: Khung giằng đỡ, Bulong liên kết cấu trúc neo cần gạt. | 1      | Bộ     |         |
| 13  | <b>Motor gạt bùn bể lắng.</b><br>- Nước sản xuất: Taiwan<br>- Tốc độ vòng quay: 9-12 vòng/ giờ.<br>- Kiểu lắp: Mặt bích.<br>- Công suất: 0,75Kw.<br>- Điện áp: 3 phase, 380v, 50Hz                                                                                                          | 1      | Bộ     |         |
| 14  | <b>Bơm bùn dạng chìm ngăn tách bùn</b><br>- Nước sản xuất: Taiwan<br>- Lưu lượng: Qmax= 21m3/giờ.<br>- Cột áp: Hmax= 12m.<br>- Chất liệu: Thân Inox.<br>- Công suất: N= 0,4Kw<br>- Điện áp: E= 03phase, 380V, 50Hz.                                                                         | 1      | Cái    |         |
| 15  | <b>Bơm lọc áp lực</b><br>- Nước sản xuất: China<br>- Lưu lượng: Qmax= 2,4-12m3/h<br>- Cột áp: Hmax= 48-25m.<br>- Công suất: 2,2KW<br>- Điện áp: E= 01phase, 220V, 50Hz.                                                                                                                     | 2      | Cái    |         |
| 16  | <b>Bồn lọc áp lực</b><br>- Sản xuất: Vinaxanh<br>- Đường kính: D=700mm<br>- Chiều cao: H=2100<br>- Vật liệu: Thép CT3, d = 3mm                                                                                                                                                              | 1      | Bộ     |         |
| 17  | <b>Vật liệu lọc:</b><br>- Nước sản xuất: Việt Nam<br>- Vật liệu: sỏi, cát thạch anh, than hoạt tính                                                                                                                                                                                         | 1      | Gói    |         |
| 18  | <b>Bồn pha chế hóa chất khử trùng</b><br>- Nước sản xuất: Việt Nam<br>- Thước đo mực nước<br>- Gia công đường ống cấp<br>- Bồn chứa: V= 1.000lít.                                                                                                                                           | 1      | Cái    |         |



| Stt | Mô tả vật tư thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị | Đơn vị | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|---------|
| 19  | <b>Hệ thống ống công nghệ trạm xử lý nước thải</b><br>- Nước sản xuất: Việt Nam<br>- Nhiệm vụ: Dẫn nước, hóa chất trong hệ thống.<br>- Bao gồm ống dẫn nước thải trong toàn bộ hệ thống xử lý, không bao gồm đường ống thu gom nước thải tại các điểm phát sinh.<br>- Ống dẫn: PVC loại C2<br>- Ống dẫn hóa chất PVC loại C2<br>- Phụ kiện: Van, co, tee, giảm, bích... phù hợp với vật liệu và chủng loại ống.                                        | 1      | Bộ     |         |
| 20  | <b>Hệ thống tủ điện điều khiển trạm xử lý nước thải.</b><br>- Linh kiện chính: Linh kiện chính sản xuất theo tiêu chuẩn Japan, Một số linh kiện sản xuất tại China, Taiwan.<br>- Lắp đặt: Vinaxanh.<br>- Tủ điện điều khiển: Tủ điện, MCB, Khởi động từ, atomat bảo vệ từng thiết bị, Relay trung gian, Đèn chiếu sáng, công tắc hành trình, cầu đấu, công tắc khẩn cấp, bảo vệ pha, công tắc chuyển mạch...<br>- Máy thổi khí khởi động sao tam giác. | 1      | Cái    |         |
| 21  | <b>Đường điện kỹ thuật kết nối thiết bị ở trạm xử lý.</b><br>- Nước sản xuất: Việt Nam.<br>- Hãng sản xuất: Cadisun.<br>- Truyền tải điện, dẫn tín hiệu điều khiển thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1      | Gói    |         |
| 22  | <b>Hộp đấu nối điện</b><br>- Bao gồm hệ cầu đấu dây và đầu cốt.<br>- Vật liệu: Hộp nhựa chống nước IP 67.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1      | Gói    |         |
| 23  | <b>Hộp che + khung giá đỡ motor khuấy bể thiếu khí, bể lắng</b><br>- Nước sản xuất: Việt Nam.<br>- Vật liệu hộp che: Inox<br>- Vật liệu khung giá đỡ: Thép CT3<br>- Phụ kiện: Bulong liên kết.                                                                                                                                                                                                                                                         | 2      | Bộ     |         |
| 24  | <b>Hệ thống ke đỡ ống toàn bộ hệ thống.</b><br>- Nước sản xuất: Việt Nam.<br>- Vật liệu: Thép CT3<br>- Kích thước: Phụ thuộc vào đường kính ống, địa hình đi ống và độ hở của ống với thành.                                                                                                                                                                                                                                                           | 1      | Gói    |         |



| Stt | Mô tả vật tư thiết bị                                                                                                                                                               | Đơn vị | Đơn vị | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|---------|
| 25  | Hệ thống phao cảm biến truyền tải tín hiệu mực nước từ thiết bị về tủ điều khiển.                                                                                                   | 1      | Gói    |         |
| 26  | Lan can thao tác hệ thống<br>- Vật liệu: Ống thép D27, 1,5mm<br>- Kích thước: H=700mm, bao quanh sàn thao tác, cầu thang<br>- Xây gờ bao quanh sàn thao tác<br>- Sản xuất: Vinaxanh | 1      | Gói    |         |
| 27  | Nắp thăm<br>- Vật liệu: Inox – kích thước 700x700mm                                                                                                                                 | 1      | Gói    |         |

Các bên thống nhất nội dung, khối lượng bàn giao nêu trên và ký vào biên bản.

Khi nhà máy đi vào hoạt động và phát sinh nước thải, chủ đầu tư sẽ báo trước nhà thầu 05 ngày, để nhà thầu Vinaxanh tiếp quản vận hành chạy thử và bàn giao hệ thống theo hợp đồng.

Biên bản được lập thành 06 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Công ty Cổ Phần Nhựa

An Phát Xanh

Công ty Cổ Phần Xây

Lắp ANI

Công ty TNHH Môi Trường

Vinaxanh

  
GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT  
Nguyễn Văn Khoản



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Ứng Việt Cường



GIÁM ĐỐC  
NGÔ HỒNG CẨM











CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

HỢP ĐỒNG MUA BÁN MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Số: 1218

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024. Chúng tôi gồm có:

**BÊN MUA : CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH**

Địa chỉ: Lô CN11+CN12 CCN An Đồng, TT. Nam Sách, H.Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Mã số thuế: 0800373586P

Đại diện: Ông Nguyễn Lê Trung

Chức vụ: Tổng Giám đốc

**BÊN BÁN : CÔNG TY CỔ PHẦN PREMIER OUTLET VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số nhà 95 đường Khúc Thừa Dụ, P.Thanh Bình, TP. Hải Dương, T. Hải Dương

Mã số thuế: 0801298363

Đại diện: Bà Trần Ngọc Ngân

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Trên cơ sở thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán máy móc, thiết bị với các điều khoản sau đây:

**ĐIỀU 1. TÊN HÀNG – SỐ LƯỢNG – CHẤT LƯỢNG – GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG**

**Phần A. Danh sách máy**

| STT | Mô tả hàng hóa                                                                            | Số lượng | Đơn giá chưa VAT (VNĐ) | Thành tiền chưa VAT (VNĐ) |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------|---------------------------|
| 1   | Hệ thống cấp liệu, cân và vận chuyển nguyên liệu tự động tấm nhựa SPC<br>Model: APSPC6000 | 1        |                        |                           |
| 1.1 | 01 Máy xả rung, để rũ nguyên liệu xuống dưới. Model: YZU2-4B hiệu TIANCHUN                |          |                        |                           |
| 1.2 | 06 Máy xả rung, để rũ nguyên liệu xuống dưới. Model: YZU8-6 hiệu TIANCHUN                 |          |                        |                           |
| 1.3 | 04 Bơm chân không, dùng để hút và đẩy nguyên liệu MODEL: CV28                             |          |                        |                           |
| 1.4 | 02 Bơm chân không, dùng để hút và đẩy nguyên liệu. MODEL: CV28                            |          |                        |                           |
| 1.5 | 01 Bơm chân không, dùng để hút và đẩy nguyên liệu MODEL: CV28                             |          |                        |                           |
| 1.6 | 02 Máy thổi khí để đẩy nguyên liệu đi. MODEL: YE3-225S-4, 37KW, 380V, 50HZ,               |          |                        |                           |
| 1.7 | 02 Máy thổi khí để đẩy nguyên liệu đi. MODEL: YE3-160L-4                                  |          |                        |                           |



|      |                                                                                                         |   |  |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|
| 1.8  | 05 Máy thổi khí để đẩy nguyên liệu đi. MODEL:YE3-180L-4                                                 |   |  |  |
| 1.9  | 05 Tủ điều khiển dùng để điều khiển hoạt động của hệ thống cấp liệu                                     |   |  |  |
| 1.10 | Ống dùng để vận chuyển nguyên liệu,bằng thép không gỉ                                                   |   |  |  |
| 1.11 | 02 Xô đựng nguyên liệu 1000 L,bằng thép.MODEL:DF-10                                                     |   |  |  |
| 1.12 | 28 Phễu chứa nguyên liệu 100 L,bằng thép                                                                |   |  |  |
| 1.13 | 04 Phễu chứa nguyên liệu 150 L,bằng thép                                                                |   |  |  |
| 1.14 | 04 Phễu chứa nguyên liệu 2000 L,bằng thép                                                               |   |  |  |
| 1.15 | 02 Van quay dùng để quay,xả nguyên liệu.MODEL:YE3-90L-4                                                 |   |  |  |
| 1.16 | 02 Cầu túi,dùng để cầu túi nguyên liệu lên.MODEL:YEJ315S                                                |   |  |  |
| 1.17 | 03 Cân trọng lượng cố định,dạng cân điện tử,dùng đóng gói NVL, MODEL:YE3-180L-4                         |   |  |  |
| 2    | <b>Hệ thống máy trộn 2000/6000 Model: APSRL6000</b>                                                     | 4 |  |  |
| 2.1  | 04 Máy trộn và làm mát tốc độ cao điều khiển biến tần với bộ hút chân không và hút bụi Model: APSRL6000 |   |  |  |
| 2.2  | 08 Silo nguyên liệu trung gian 3CBM với bộ cấp liệu trực vít                                            |   |  |  |
| 3    | <b>Hệ thống Máy đùn tấm nhựa SPC Model: APSPC3000</b>                                                   | 6 |  |  |
| 3.1  | 06 Máy đùn tấm nhựa SPC cùng vít tải cấp liệu kết nối kèm theo , 447KW,380V,50Hz                        |   |  |  |
| 3.2  | 06 Máy ép màng film lên tấm nhựa, MODEL:C400/N600, 1.5 KW, 380V                                         |   |  |  |
| 3.3  | 18 Quạt làm mát tấm sàn nhựa SPC, MODEL:100#, .55KW,380V, KT:1000*1000*350MM,                           |   |  |  |
| 3.4  | 06 Máy kéo tấm nhựa MODEL: FA87-YVP2.2-6P-197.2-M3-0, 2.2KW,380V,                                       |   |  |  |
| 3.5  | 06 Máy cắt tấm nhựa, MODEL: YEJ132S-4, 5.5KW, 380V,                                                     |   |  |  |
| 3.6  | 06 Máy xếp tấm nhựa tự động,MODEL: FBS-1580 ,7.45KW, 380V.                                              |   |  |  |
| 4    | <b>Hệ thống nghiền phế quay đầu cho tấm nhựa SPC Model: APSPC1300</b>                                   | 1 |  |  |
| 4.1  | 01 Máy băm nhựa, Model:TK1300,58.7kw,380V,50HZ. KT:8000x2500x3400mm.                                    |   |  |  |
| 4.2  | 02 Máy nghiền Model:TK850,52.4kw, 380V,50HZ; KT:2500x2000x1800mm                                        |   |  |  |
|      | <b>Máy nghiền phế thu bụi</b>                                                                           | 3 |  |  |
| 5    | <b>Hệ thống Máy đùn tấm nhựa LVT Model: APLVT1500</b>                                                   | 2 |  |  |
| 5.1  | 02 Máy đùn nhựa,dùng trong sản xuất tấm nhựa LVT,532kw,380V,50 HZ.                                      |   |  |  |
| 5.2  | 02 Máy ép màng film lên tấm nhựa, MODEL: C400/N600, 1.5 KW, 380V                                        |   |  |  |
| 5.3  | 02 Quạt làm mát tấm sàn nhựa LVT, MODEL:100#, 0.55KW,380V,KT:1000*1000*350MM,                           |   |  |  |



|                         |                                                                                                               |   |  |
|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 5.4                     | 02 Thiết bị làm mát tấm nhựa, MODEL: LVTR-2900, 27.5KW.                                                       |   |  |
| 5.5                     | 02 Thiết bị làm mát tấm nhựa MODEL: LVTR-4500                                                                 |   |  |
| 5.6                     | 02 Máy kéo tấm nhựa, MODEL: FA87-YVP2.2-6P-197.2-M3-0, 2.2 KW, 380V                                           |   |  |
| 5.7                     | 02 Máy cắt tấm nhựa, MODEL: YEJ132S-4, 5.5KW, 380V                                                            |   |  |
| 5.8                     | 02 Máy xếp tấm nhựa tự động,MODEL: LVTX-1580, 1.95KW, 380V,                                                   |   |  |
| 6                       | Hệ thống nghiền phế quay đầu cho tấm nhựa LVT Model: APLVT1800                                                | 1 |  |
| 6.1                     | 01 Máy băm nhựa, Model:TK1300,58.7kw,380V,50HZ. KT:8000x2500x3400mm.                                          |   |  |
| 6.2                     | 01 Máy nghiền Model:TK850,52.4kw, 380V,50HZ; KT:2500x2000x1800mm,                                             |   |  |
| 7                       | Đặt hệ thống điều khiển cấp liệu, cân, trộn và vận chuyển hoàn toàn tự động trong 1 phòng<br>Model: APNSP1300 | 1 |  |
| Tổng tiền hàng chưa VAT |                                                                                                               |   |  |
| Bảng chữ:               |                                                                                                               |   |  |

Giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt và đào tạo sử dụng máy móc cho cán bộ, nhân viên cho Bên Mua, nếu có bất cứ thay đổi nào về giá, hai bên sẽ thống nhất bằng văn bản cụ thể.

Bên Bán cam kết Hàng hóa là máy mới 100%, năm sản xuất: 2024., đủ điều kiện nhập khẩu và sử dụng tại Việt Nam.

## **Điều II: Điều kiện giao hàng**

1. Thời hạn giao hàng: 120 ngày làm việc kể từ ngày nhận khoản thanh toán lần 1 theo Điều III của hợp đồng này.
2. Địa điểm giao hàng, lắp đặt: theo địa điểm mà bên mua chỉ định bằng email hoặc văn bản;
3. Thời gian lắp đặt máy móc dự kiến: trong vòng 10 ngày kể từ ngày giao hàng; Trong trường hợp thời gian thực tế phát sinh dài hơn dự kiến, Bên Bán có thể đề nghị Bên Mua gia hạn nhưng tổng thời gian lắp đặt tối đa không quá 60. ngày kể từ ngày giao hàng;
4. Trường hợp Bên bán không thể giao hàng đúng thời hạn đã thỏa thuận vì các lý do khách quan, Bên Mua có thể gia hạn một thời gian hợp lý cho Bên Bán thực hiện nghĩa vụ giao hàng. Nếu Bên bán không giao hàng trong thời gian đã được gia hạn, Bên Mua có thể tuyên bố chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều X Hợp đồng này.
5. Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Hợp đồng, nếu Bên Bán chậm tiến độ giao hàng (bao gồm trường hợp được Bên Mua chấp thuận gia hạn tiến độ giao hàng), Bên Bán phải thanh toán cho Bên Mua khoản tiền phạt tương ứng 0,5% Tổng giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm giao hàng tính từ ngày cuối cùng của thời hạn giao hàng nêu tại Khoản 1 Điều này hoặc thời hạn đã được gia hạn (nếu có) cho đến ngày toàn bộ hàng hoá được giao cho Bên Mua.
6. Quyền sở hữu hàng hóa được chuyển từ bên bán sang bên mua kể từ thời điểm hàng hóa được chuyển giao cho Bên Mua tại địa điểm giao hàng quy định tại Khoản 2 Điều này.





### **Điều III: Điều kiện thanh toán**

#### **Tạm ứng và thanh toán Hợp đồng:**

Bên mua thanh toán cho Bên Bán bằng phương thức chuyển khoản theo số tài khoản ngân hàng của bên bán với tiến độ thanh toán như sau:

Tài khoản ngân hàng của Bên Bán:

**CÔNG TY CỔ PHẦN PREMIER OUTLET VIỆT NAM**

Số TK: 112002929742

Ngân hàng: Vietinbank – CN Vân Đồn

Tất cả phí chuyển khoản ngân hàng sẽ được thanh toán bởi bên Mua.

### **Điều IV: Hồ sơ thanh toán**

### **Điều V: Đóng gói**

Bên Bán có trách nhiệm đóng hàng theo tiêu chuẩn vận chuyển hàng hóa và chịu trách nhiệm về tất cả các thiệt hại của hàng hóa (nếu có) gây ra bởi việc đóng hàng không đúng quy cách.

### **Điều VI: Lắp đặt**

1. Bên Bán có trách nhiệm tiến hành lắp đặt, cân chỉnh, chạy thử và đào tạo cho nhân viên của Bên Mua vận hành máy theo yêu cầu của Bên Mua theo quy định tại Hợp đồng này, Bên Bán có trách nhiệm cung cấp cho Bên Mua danh mục các thiết bị phụ cần thiết.

2. Địa điểm lắp đặt, vận hành, chạy thử và đào tạo công nhân viên do Bên Mua chỉ định hoặc các Bên có thỏa thuận khác.

3. Thời gian chạy thử: .60. ngày, trường hợp cần thiết Bên Mua có thể gia hạn thời gian chạy thử. Quá thời gian này mà máy móc, thiết bị không vận hành đảm bảo kỹ thuật, chất lượng sản phẩm thì Bên Bán phải khắc phục bằng chi phí của mình trong thời gian không quá .30. ngày. Trường hợp không khắc phục được thì Bên Bán phải thay thế.

4. Thời gian đào tạo: .30. ngày.



5. Trong trường hợp xảy ra hư hỏng phát sinh trong quá trình lắp đặt, Bên Bán bằng chi phí của mình phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về các hư hỏng đó, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc: mua thiết bị thay thế, lắp đặt thiết bị mới và chạy thử, vận hành đến khi đạt yêu cầu nghiệm thu.

6. Bên Mua chịu trách nhiệm cung cấp nguyên vật liệu phục vụ việc vận hành và chạy thử máy móc và đào tạo, bao gồm: điện, nước, nguồn không khí, nguyên liệu thô và vật dụng cần thiết khác, Các chi phí, bên chịu trách nhiệm thanh toán với việc vận hành chạy thử và đào tạo sẽ được quy định chi tiết tại Phụ lục đính kèm Hợp đồng này.

#### **Điều VII: Bảo đảm :**

Bên Bán đảm bảo rằng Máy của Bên Bán không bị lỗi về chất lượng vật liệu hay kỹ thuật sản xuất. Các Bên thống nhất ký kết Biên bản nghiệm thu tại thời điểm hoàn thành việc lắp đặt và đào tạo sử dụng máy móc theo quy định.

#### **Điều VIII: Các điều khoản khác**

##### **1. Bảo mật**

Tất cả các thông tin, văn bản và Hợp đồng giữa các bên được đề cập trong Hợp đồng này được bảo mật. Các bên chỉ được tiết lộ các thông tin, văn bản và Hợp đồng này cho bên thứ ba nào khác khi được bên kia đồng ý bằng văn bản hoặc email.

##### **2. Chuyển giao Rủi ro**

- a) Rủi ro về mất mát hoặc hư hỏng Hàng hóa sẽ được chuyển từ bên Bán sang bên Mua khi máy được vận chuyển đến địa điểm giao hàng như yêu cầu và được đại diện của Bên mua ký nhận vào chứng từ giao nhận Hàng hóa.
- b) Bên mua có quyền từ chối nhận hàng nếu hàng hoá không phù hợp với hợp đồng theo quy định tại Điều I.
- c) Bên Mua sẽ cử đại diện của mình để đánh giá vị trí lắp đặt máy, giám sát và hướng dẫn quá trình tháo dỡ máy hay khi lắp đặt máy.
- d) Trong thời hạn khiếu nại do các Bên thỏa thuận, bên bán phải chịu trách nhiệm về bất kỳ khiếm khuyết nào của hàng hoá đã có trước thời điểm chuyển rủi ro cho bên mua, kể cả trường hợp khiếm khuyết đó được phát hiện sau thời điểm chuyển rủi ro;
- e) Bên bán phải chịu trách nhiệm về khiếm khuyết của hàng hóa phát sinh sau thời điểm chuyển rủi ro nếu khiếm khuyết đó do bên bán vi phạm hợp đồng.

##### **3. Vi phạm bằng sáng chế**

Bên Bán sẽ bảo hộ và không gây tổn hại tới bên Mua về những hành vi vi phạm bằng sáng chế hoặc những biện pháp chống lại bên Mua khi bên Mua thông báo.

#### **ĐIỀU IX: BẤT KHẢ KHÁNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Ngọc Ngân*